



HỘI GIA ĐÌNH TÙ NHÂN CHÍNH TRỊ VIỆT NAM

FAMILIES OF VIETNAMESE POLITICAL PRISONERS ASSOCIATION

P.O. BOX 5435, ARLINGTON, VA 22205-0635
TELEPHONE: 703-560-0058

IV # 340957

VEWL. # _____

I-171: Yes, No

WIDOW OF FORMER POLITICAL PRISONER REGISTRATION FORM (Two Copies)

The purpose of this form is to identify WIDOWS AND UNMARRIED CHILDREN of former re-education camp prisoners who died while being detained in the camps in Vietnam, so that eligibility for U.S. admission via the Orderly Departure Program can be established.

1. WIDOW APPLICANT IN VIETNAM Pham Thi TRẦN
Last Middle First

Current Address G 33 Củ Xa Vĩnh Hội, Phường 6 Quận 4

Date of Birth 17-5-1939 Place of Birth Phước Tuy (VN)

2. NAME OF FORMER RE-EDUCATION CAMP PRISONER WHO DIED IN THE CAMP (HUSBAND):

TRƯƠNG VĂN TIẾN

Previous Occupation (before 1975) Capt. Telecom (US Trainer)
(Rank & Position)

TIME SPENT IN RE-EDUCATION CAMP -- Dates: From 31.8.75 To DEATH DATE: 31.8.75

3. SPONSOR'S NAME: _____
Name FAMILIES OF VIETNAMESE
POLITICAL PRISONERS ASSOC.
P.O. BOX 5435
ARLINGTON, VA 22205-0635
Address & Telephone _____

4. NAMES OF RELATIVES/ACQUAINTANCES IN THE U.S.

Name, Address & Telephone	Relationship
_____	_____
_____	_____
_____	_____

If you are eligible to file for the applicant under Category I of the ODP criteria and have not filed an Affidavit of Relationship (AOR), you are encouraged to do so. Also, persons in the U.S. who are eligible to petition for relatives in Vietnam on INS Form I-130 must do so.

Date Prepared: _____

5. NAME OF PRINCIPAL APPLICANT (PA) : PHAM THI TREN
(Listed on page 1)

NAME OF DEPENDENT/ACCOMPANYING RELATIVES	DATE OF BIRTH	RELATIONSHIP TO PA.
Truong thi Huong Lan	4-19-1963	Daughter
Truong Minh Triet	5-2-1965	Son
Truong Quoc Vu ²	7-6-1967	Son
Truong thi Thanh Ngoc	8-16-1969	Daughter
Truong Ngoc Son	10-8-1972	Son
Truong thi Thu Ha	12-24-1975	Daughter

DEPENDENT'S ADDRESS :(if different from above)

6. ADDITIONAL INFORMATION :



HỘI GIA ĐÌNH TÙ NHÂN CHÍNH TRỊ VIỆT NAM

FAMILIES OF VIETNAMESE POLITICAL PRISONERS ASSOCIATION

P.O. BOX 5435, ARLINGTON, VA 22205-0635
TELEPHONE: 703-560-0058

IV # 340951

VEWL. # _____

I-171: Yes, No

WIDOW OF FORMER POLITICAL PRISONER REGISTRATION FORM (Two Copies)

The purpose of this form is to identify WIDOWS AND UNMARRIED CHILDREN of former re-education camp prisoners who died while being detained in the camps in Vietnam, so that eligibility for U.S. admission via the Orderly Departure Program can be established.

1. WIDOW APPLICANT IN VIETNAM Pham Thi TAEN
Last Middle First
Current Address G-33 Củ Ka Vinh Hoi, Phuong 6 Quan 4
Date of Birth 17-5-1939 Place of Birth Phuoc Tuy (VN) TPHO CH MINH

2. NAME OF FORMER RE-EDUCATION CAMP PRISONER WHO DIED IN THE CAMP (HUSBAND):

TRUONG VAN TIEN (1936)

Previous Occupation (before 1975) Capt. (Telecom - US Trainee)
(Rank & Position)

TIME SPENT IN RE-EDUCATION CAMP -- Dates: From 31.8.75 To DEATH DATE: 31.8.75

3. SPONSOR'S NAME: _____
Name

Address & Telephone

4. NAMES OF RELATIVES/ACQUAINTANCES IN THE U.S.

Name, Address & Telephone

Relationship

_____	_____
_____	_____
_____	_____

If you are eligible to file for the applicant under Category I of the ODP criteria and have not filed an Affidavit of Relationship (AOR), you are encouraged to do so. Also, persons in the U.S. who are eligible to petition for relatives in Vietnam on INS Form I-130 must do so.

QUESTIONNAIRE FOR EX POLITICAL PRISONER IN VIETNAM

I BASIC INFORMATION OF APPLICANT IN VIETNAM:

- 1 - FULL NAME : TRƯỜNG VĂN TIẾN
- 2 - DATE, PLACE OF BIRTH : 15 - 10 - 1936
- 3 - POSITION BEFORE APRIL 1975
 - RANK : ĐẠI UY
 - FUNCTION : ĐẠI UY
 - MILITARY SERIAL NUMBER : 56 / 104 294
- 4 - MONTH, DATE, YEAR ARRESTED : 30/4/1975
- 5 - MONTH, DATE, YEAR OUT OF CAMP : 31/5/1975
- 6 - PHOTOCOPY OF RELEASE CERTIFICATE : Có
- 7 - PRESENT MAILING ADDRESS : G 33 cũ xã Vĩnh Hội, phường 6 Quận 4
- 8 - CURRENT ADDRESS : - - - - - T.P. Hồ Chí Minh, VN

II LIST FULL NAME, DOB, POB, OF EX POLITICAL PRISONER.

1 - RELATIVES TO ACCOMPANY WITH EX POLITICAL PRIS

	FULL NAME	DATE OF BIRTH	PLACE OF BIRTH	RELATION SHIP
1	Phạm Thị Trâm	17 - 05 - 1939	Phước Tuy, Cần Đước, Long An	Vợ
2	Trương Thị Hoàng Sơn	19 - 04 - 1963	Đường Nam Đà Nẵng	con
3	Trương Minh Trết	02 - 05 - 1965	Vũng Tàu	con
4	Trương Quốc Vũ	06 - 07 - 1967	Sài Gòn	con
5	Trương Thị Thanh Ngọc	16 - 08 - 1969	Sài Gòn	con
6	Trương Ngọc Sơn	08 - 10 - 1972	Sài Gòn	con
7	Trương Thị Thu Hoa	24 - 12 - 1975	Sài Gòn	con

2 - COMPLETE FAMILY LISTING (Living - Dead)

FATHER : VS Danh
 MOTHER : Trương Thị Bả Khô chết
 SPOUSE : Phạm Thị Trâm Sống
 CHILDREN : Trương Thị Hoàng Sơn Sống
 Trương Minh Trết Sống
 Trương Quốc Vũ Sống
 Trương Thị Thanh Ngọc Sống
 Trương Ngọc Sơn Sống
 Trương Thị Thu Hoa Sống
 SIBLING: chị Trương Thị Hoa chết
 em Trương Văn Phước chết

Bản sao căn cước

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

GIẤY CHỨNG MINH NHÂN DÂN

Số: **020440436**

Họ tên: **PHẠM THỊ TRẦN**

Sinh ngày: **17-05-1959**

Nguyên quán: **Phước Tuy,**
Cần Đức, Long An.

Nơi thường trú: **Ấp Bến Ván Dòn,**
Q. 4, TP. Hồ Chí Minh.



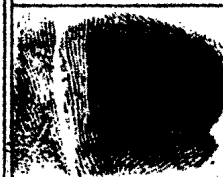
Dân tộc: Kinh Tôn giáo: Phật



NGÓN TRỎ TRÁI

DẤU VẾT RIÊNG HOẶC DỊ HÌNH

Sẹo tròn 0,4 cm cách
3 cm dưới mép trái.



NGÓN TRỎ PHẢI

Ngày 09 tháng 11 năm 1978

THỦ GIÁM ĐỐC HOẶC TRƯỞNG TY CÔNG AN

PHÓ GIÁM ĐỐC



Nguyễn Minh Tâm



CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

GIẤY CHỨNG MINH NHÂN DÂN

Số: 020440511

Họ tên **TRƯƠNG THỊ HƯƠNG**
LANG

Sinh ngày **17-04-1963**

Nguyên quán **Long Hưng,**

Cần Đức, Long An,

Nơi thường trú **G.3, Bến Vân Đồn,**

Q.4, TP. Hồ Chí Minh.

Dân tộc: **Kinh** ... Tôn giáo: **Phật**



NGÓN TRỎ TRÁI

DẤU VẾT RIÊNG HOẶC DỊ HÌNH

Sẹo chấm cách 2,5 cm
dưới môi mắt phải.



NGÓN TRỎ PHẢI

Ngày 10 tháng 11 năm 1978

KIỂM ĐIỂM ĐỐC MỐC TRƯỞNG TÝ CÔNG AN

PHÓ GIÁM ĐỐC



Nguyễn Minh Tâm

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

GIẤY CHỨNG MINH NHÂN DÂN

Số: 020440433



Họ tên PHẠM THỊ TRẦN

Sinh ngày 17-05-1939

Nguyên quán Phước Tuy,
Cần Đức, Long An.

Nơi thường trú 13 Bến Vân Đồn,
Q.4, TP. Hồ Chí Minh.

Dân tộc: Kinh Tôn giáo: Phật

DẤU VẾT RIÊNG HOẶC DI HÌNH

3 eo tròn 0,4 cm cách
3 cm dưới mép trái

Ngay 29 tháng 11 năm 1978

GIÁM ĐỐC HOẶC TRƯỞNG TY CÔNG AN
GIÁM ĐỐC

Nguyễn Minh Tâm



CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

GIẤY CHỨNG MINH NHÂN DÂN

Số: 020440511

Họ tên TRƯƠNG THỊ HƯƠNG
LANG

Sinh ngày 12-04-1963

Nguyên quán Long Hựu,

Cần Đức, Long An,

Nơi thường trú G.3, Bến Vân Đồn,

Q.4, TP. Hồ Chí Minh.

Dân tộc: **Kinh** .. Tôn giáo: **Phật** ..



NGÓN TRỎ TRÁI

DẤU VẾT RIÊNG HOẶC DỊ HÌNH

Sẹo chấm cách 2,5 cm
dưới môi mắt phải.



NGÓN TRỎ PHẢI

Ngày **10** tháng **11** năm **1978**

KIỂM TRA ĐỘC HOẶC TRƯỞNG TỶ CÔNG AN

PHÒNG KIỂM ĐỘC



Nguyễn Văn Hộ

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

GIẤY CHỨNG MINH NHÂN DÂN

Số: ~~021603212~~

Họ tên **TRƯỜNG MINH TRIẾT**

Sinh ngày **02-5-1965**

Nguyên quán **Cần Đức,**

Long An.

Nơi thường trú **G33C/Xã V/Hội Bè
V-Dồn, Q. 4, TP. Hồ Chí Minh**



Dân tộc:

Kinh

Tôn giáo:

Không



NGÓN TRỎ TRÁI

DẤU VẾT RIÊNG HOẶC DỊ HÌNH

Sọc không rõ hình d,
lcm, 0, 4cm, c, 1cm trên
trước đầu may phải.

Ngày 07 tháng 3 năm 1980

THỦ LƯU ĐƠN ĐẶC TRƯỞNG TỶ CÔNG AN



NGÓN TRỎ PHẢI



Thủ trưởng
L. Thanh Văn



CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

GIẤY CHỨNG MINH NHÂN DÂN

Số: 071603212

Họ tên **TRƯỜNG MINH TRIẾT**

Sinh ngày 02-5-1965

Nguyên quán **Cần Đức,
Long An.**

Nơi thường trú **G33C/Xã V/Hội Bết
V-Dồn, Q. L., TP. Hồ Chí Minh.**

Dân tộc: Kinh Tôn giáo: Không

DẤU VẾT RIÊNG HOẶC DỊ HÌNH

Sẹo không rõ hình d,
lcm, v, 0, lcm, c, lcm trên
trước đầu may phải.

Ngày 07 tháng 3 năm 1980

THÀNH VIÊN ĐỘI HOẶC TRƯỞNG TY CÔNG AN

Thánh
Li Thanh Văn

NGÓN TRỎ TRÁI

NGÓN TRỎ PHẢI



CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

GIẤY CHỨNG MINH NHÂN DÂN

Số: 022140356

Họ tên TRƯƠNG QUỐC VŨ

Sinh ngày 7-6-1967

Nguyên quán Cần Đức,

Long An.

Nơi thường trú G33 QXVH, Bến

Vân Đồn, Q. 4, TP. Hồ Chí Minh.

Dân tộc:

kinh

Tôn giáo:

phật

DẤU VẾT RIÊNG HOẶC DI HÌNH

Sẹo cong 2cm 0,1cm
trên sau đầu mặt phải

Ngày 20 tháng 7 năm 1984

GIÁM ĐỐC HOẶC TRƯỞNG TY CÔNG AN

Thư ký
Li Thanh Văn

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc



GIẤY CHỨNG MINH NHÂN DÂN

Số: **C22140356**

Họ tên: **TRƯƠNG QUỐC VŨ**



Sinh ngày: **7-6-1967**

Nguyên quán: **Cần Đước,**

Long An.

Nơi thường trú: **G.33 Q.11, B.Đ. Bến**

Vân Đồn, Q.4, TP. Hồ Chí Minh.

Dân tộc:

kinh

Tôn giáo:

phật



NGON TRỎ TRAI

DẤU VẾT RIÊNG HOẶC DI HÌNH

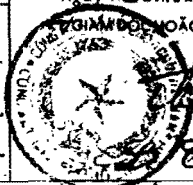
Sẹo cong 2cm c, lom
trên sau đầu mặt phải



NGON TRỎ PHẢI

Ngày 20 tháng 7 năm 1984

GIÁM ĐỐC HOẶC TRƯỞNG TY CÔNG AN



Thanh Văn

Thanh Văn

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc



GIẤY CHỨNG MINH NHÂN DÂN

Số: **022140342**

Họ tên **TRƯƠNG THỊ THANH-**
NGỌC

Sinh ngày **21-12-1969**

Nguyên quán **Cần Đước,**

Long An.

Nơi thường trú G3.3 **CXVH, Bến**
Vân Đồn, Q.1, TP. Hồ Chí Minh.



Dân tộc: **kinh** Tôn giáo: **phật**

DẤU VẾT RIÊNG HOẶC DI HÌNH

Nốt ruồi c, lem trên
trước mép trái.

NGÓN TRỎ TRÁI

NGÓN TRỎ PHẢI

20 tháng 7 năm 1984

CHIAM ĐOC HOAC TRUONG TY CONG AN



Thao

Chanh Van

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc



GIẤY CHỨNG MINH NHÂN DÂN

Số: **022140342**

Họ tên **TRƯƠNG THỊ THANH-**
NGỌC



Sinh ngày **21-12-1969**

Nguyên quán **Cần Đức,**

Long An.

Nơi thường trú **G33 CXVH, Bến**
Vân Đồn, Q.1, TP. Hồ Chí Minh.

Dân tộc:

kinh

Tôn giáo:

phật



NGON TRÓ TRÁI



NGON TRÓ PHẢI

DẤU VẾT RIÊNG HOẶC DI HÌNH

Nốt ruồi c, 1cm trên
trước mép trái.



20 tháng 7 năm 1984

HOẶC TRƯỞNG TY CÔNG AN

Chau

Thanh Văn



CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

GIẤY CHỨNG MINH NHÂN DÂN

Số: **022289554**

Họ tên **TRƯỜNG NGỌC SƠN**

Sinh ngày **01-10-1972**

Nguyên quán **Cần Đức,
Long An.**

Nơi thường trú **G33CCVH Bến-
Vân Đồn, P.6Q, TP. Hồ Chí Minh.**

Dân tộc:

Kinh

Tôn giáo:

Phật

DẤU VẾT RIÊNG HOẶC DI MÌNH

NGÓN TRỎ TRÁI

Sẹo chằm Cằm trên
sau cánh mũi phải

NGÓN TRỎ PHẢI

Ngày 05 tháng 11 năm 1987

GIÁM ĐỐC QUẢN TRƯỞNG TY CÔNG AN



Tham
Viết Chẩn

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

GIẤY CHỨNG MINH NHÂN DÂN

Số: 022289554

Họ tên: TRƯỜNG NGỌC SƠN

Sinh ngày: 01-10-1972

Nguyên quán: Cần Đức,
Long An.

Nơi thường trú: G33CCVH Đền-
Văn Đồn, P.6Q1 TP. Hồ Chí Minh.



Dân tộc:

Khơ

Tôn giáo:

Phật

ĐẤU VẾT RIÊNG HOẶC DI HÌNH

Sẹo chàm Clem trên
sau cánh mũi phải

Ngày 05 tháng 11 năm 1967

THỦ LƯU QUẢN TRƯỞNG TY CÔNG AN



Tham
Viết Chẩn

original

EMBASSY OF THE UNITED STATES

BANGKOK, THAILAND

IV# 340957 / H34-1000

Date: 06 SEP 1994

Name/VN Address of Principal Applicant:

PHAM THI TREN

209/15 BIS EN VAN DON

P 05, G.04

HO CHI MINH

Applicants not qualified for ODP interview:

PHAM THI TREN, TRUONG THI HUONG LANG

TRUONG MINH TRIET, TRUONG QUOC VU

TRUONG THI THANH NGOC, TRUONG THI THU HA

TRUONG NGOC SON

Dear Sir/Madam:

We regret to inform you that the individual(s) named above are not eligible to attend an interview with the United States Orderly Departure Program (ODP) for the reason indicated below. Applicants who fall into any of the categories listed below are not qualified for an interview even though their names may have appeared on interview lists submitted to the ODP by the Socialist Republic of Vietnam (SRV), or even though ODP may have issued a Letter of Introduction (LOI) to the applicants in the past.

1. ☐ **Beneficiaries of non-current immigrant visa petition(s):** The preference petition(s) filed on behalf of the individual(s) named above are not yet eligible for visa consideration. These applicants will be reconsidered for interview once the filing date(s) of the petition(s) are current. For more information on visa petition cut-off dates, you may contact the US Department of State's Visa Office at (202) 663-1541.
2. ☐ **Applicants whose cases are based solely on an affidavit of relationship (AOR):** ODP no longer interviews applicants whose cases are based solely on AORs. Please refer to the enclosed information about filing immigrant visa petitions.
3. ☐ **Sons/daughters over the age of twenty-one (and their families):** Without independent refugee eligibility or current visa petitions, these individuals may not attend an ODP interview with their parent(s). Only the spouse and minor children of a current preference petition beneficiary are entitled to derivative eligibility. After he/she arrives in the U.S. and adjusts his/her status to Legal Permanent Resident, a parent may file petitions on behalf of his/her unmarried children.
4. ☐ **Married sons/daughters (and their families):** Without independent refugee eligibility or current visa petitions, these individuals may not attend an ODP interview with their parents; under US immigration law, married offspring are not entitled to derivative eligibility from their parents' immediate relative petitions.
5. ☒ **Other:** INSUFFICIENT EVIDENCE TO VERIFY YOUR ELIGIBILITY CLAIM UNDER ODP GUIDELINES
6. ☐ **Individuals applying for ODP refugee interviews:** These applicants have failed to meet any of the eligibility criteria detailed below and/or present sufficient documentary evidence to support their claim.

Criteria Combinations to Qualify for ODP Refugee Interviews

- At least five years of verified employment by the US government or US private companies.
- At least three years spent in a re-education camp as a direct result of close association with US policies and programs prior to April 1975. Time served as a result of post April 1975 anti-revolutionary activities or boat escapes does not qualify an individual for ODP, nor does time served as a prisoner of war (POW) prior to 1975.
- At least one year of verified employment by the US government or US private companies plus at least one year spent in a re-education camp as a direct result of close association with US policies and programs prior to 1975.
- A verified period of training outside Vietnam under US government auspices plus at least one year spent in a re-education camp as a direct result of close association with US policies and programs prior to 1975.
- The widow(er) and unmarried children of an individual who died in or as a result of internment in a re-education camp due to his/her close association with US policies and programs prior to 1975. Children are eligible only when accompanying their widowed parent.

We regret that more encouraging news is not available at this time.

Bản dịch

Chúng tôi rất tiếc để báo tin cho Ông/Bà biết là những người có tên ghi trên không hội đủ tiêu chuẩn phỏng vấn của ODP vì lý do có đánh dấu dưới đây. Đứng đắn rơi vào bất cứ trường hợp nào ghi dưới đây đều không hội đủ tiêu chuẩn phỏng vấn mặc dầu họ đã có tên trong danh sách phỏng vấn của chính phủ Việt nam trao cho ODP, hay dấu cho trước đây họ đã được ODP cấp Giấy Giới Thiệu (LOI).

1. ☐ Người được hưởng đơn xin chiếu khán nhập cư diện di dân chưa tới hạn kỳ: Đơn xin chiếu khán ưu tiên cho (những) người có tên trên đây hiện nay chưa đủ điều kiện để được cấp chiếu khán. Chỉ khi nào ngày nộp đơn xin chiếu khán của những người này tới hạn kỳ thì hồ sơ của họ mới được cứu xét để cho phỏng vấn. Để có thêm tin tức về vấn đề ngày hết hạn của đơn xin chiếu khán, Ông/Bà có thể liên lạc với Văn phòng Chiếu khán Bộ Ngoại Giao Hoa Kỳ, điện thoại số (202) 663-1541.
2. ☐ Những người đứng đơn mà đơn chỉ dựa trên Tờ Khai Liên Hệ Gia Đình (AOR): ODP không còn cho phỏng vấn những người đứng đơn mà đơn chỉ dựa trên AOR Xin Ông/Bà đọc tin tức kèm đây về thể thức nộp đơn xin chiếu khán nhập cư diện di dân.
3. ☐ Con trai/con gái trên hai mươi một tuổi (và gia đình): Nếu những người này không tự có đủ tiêu chuẩn theo diện tị nạn hay không có đơn xin chiếu khán diện di dân đã tới hạn kỳ, thì họ sẽ không được phỏng vấn với cha mẹ. Chỉ có vợ/chồng và con cái vị thành niên của người hưởng đơn xin chiếu khán diện di dân theo bậc đã tới hạn kỳ mới được coi là có đủ điều kiện. Sau khi đến Hoa Kỳ và điều chỉnh tình trạng thành thường trú nhân hợp pháp, cha mẹ có thể nộp đơn xin cho các con còn độc thân.
4. ☐ Con trai/con gái đã kết hôn (và gia đình): Nếu những người này không tự riêng mình có đủ tiêu chuẩn theo diện tị nạn hay không có đơn xin chiếu khán diện di dân đã tới hạn kỳ, thì họ sẽ không được phỏng vấn cùng với cha mẹ; theo Luật Di Dân Hoa Kỳ, thì con cái đã kết hôn không được hưởng tiêu chuẩn của cha mẹ khi cha mẹ có đơn xin bảo lãnh do thân nhân gần nộp cho.
5. ☐ Lý do khác: _____
6. ☐ Những người nộp đơn để được phỏng vấn theo diện tị nạn trong ODP: Những người này đã không hội đủ một tiêu chuẩn nào kê khai dưới đây và/hoặc xuất trình đầy đủ giấy tờ chứng minh để hỗ trợ lời khai của họ.

Những tiêu chuẩn phối hợp để được ODP phỏng vấn theo diện tị nạn

- Phải có chứng cứ là cựu nhân viên của chính phủ Hoa Kỳ hoặc công ty tư nhân Mỹ ít nhất năm năm.
- Ít nhất phải có ba năm trong trại cải tạo mà lý do cải tạo rõ ràng là vì đã có liên hệ mật thiết với chính sách và chương trình Hoa Kỳ ở Việt Nam trước tháng tư, 1975. Thời gian ở trại cải tạo vì lý do hoạt động cách mạng sau tháng tư 1975 hay vì lý do vượt biên không hội đủ tiêu chuẩn của ODP, cũng như thời gian cải tạo vì lý do từ chối chiến tranh trước 1975 cũng không đủ tiêu chuẩn ODP.
- Phải có chứng cứ là cựu nhân viên của chính phủ Hoa Kỳ hay công ty tư nhân Mỹ ít nhất một năm cộng thêm ít nhất một năm ở trại cải tạo mà việc đi cải tạo rõ ràng là vì có liên hệ mật thiết với chính sách và chương trình của Hoa Kỳ trước 1975.
- Có chứng cứ được huấn luyện ở ngoài Việt Nam một thời gian dưới sự bảo trợ của chính phủ Hoa Kỳ hay các công ty tư nhân Hoa Kỳ, và ít nhất có một năm trong trại cải tạo mà việc đi cải tạo rõ ràng là vì có liên hệ mật thiết với chính sách và chương trình của Hoa Kỳ trước 1975.
- Người (góa) vợ/(góa) chồng và con cái còn độc thân của một người đã chết trong trại cải tạo hoặc chết vì kết quả của việc giam giữ trong trại cải tạo mà việc đi cải tạo rõ ràng là vì có dính liú mật thiết với chính sách và chương trình của Hoa Kỳ trước 1975. Con cái chỉ có đủ tiêu chuẩn khi đi theo cha/mẹ (góa).

Số 427 /XN

NGÀY 26 THÁNG 10 NĂM 1994

GIẤY XÁC NHẬN

WP.0061

PHÒNG ĐIỀU TRA HÌNH SỰ QUÂN KHU 7 XÁC NHẬN :

Ông : TRƯƠNG VĂN TIẾN Sinh năm : 1936
Ngày vào lính : 1961 Số quân : 56/ 104.294
Cấp bậc : Đại úy Chức vụ : T.ban điều hành Viễn thông
Đơn vị : Cục Truyền tin .
Quê quán : Long an .
Trú quán : Gia đình ở : 209/15 bis Bến Vân Đồn - Phường 5
Quận 4 - Thành phố Hồ chí Minh .
Là Sĩ quan chế độ cũ có ra trình diện học tập cải tạo tập
trung từ ngày 23/6/1975 đến ngày 31/8/1975
bị tai nạn lao động - nổ lựu đạn chết .Đơn vị
cải tạo : E11 - Đoàn 500 .
Theo quyết định số _____ ngày ký _____
Người ký _____
Thời gian quản chế _____

PHÒNG ĐIỀU TRA HÌNH SỰ QUÂN KHU 7

PHÓ TRƯỞNG PHÒNG

(Signature)

Kính thưa Bà Hội Trưởng Hội GIA ĐÌNH TỰ NHÂN CHÍNH TRỊ
VIỆT NAM

Chúng tôi rất cảm động khi được thư Bà trả lời đi
ngày 15/10/1988 cho biết là Hồ sơ của chúng tôi đã tới quý
Hội và được mang số WP 0061.

Hồ sơ này chúng tôi đã gửi kèm theo bản sao Hồ Khẩn
và Chứng Minh Nhân Dân này xin gửi bà, kính xin Bà
cho xếp vào Hồ sơ của chúng tôi đang nằm tại quý Văn phòng

Cũng xin thưa Bà rõ, chúng tôi luôn nỗ lực sinh tồn
lao về công việc và đóng góp vật chất không nhỏ của quý Hội
đối với công việc nhân đạo này, trong vì chúng tôi ở Việt
Nam nên không thể nào đóng góp với quý Hội được vậy
xin quý Hội và long nhân đạo với mức thích cao cả ấy
xin thông cảm cho Hoàng cảnh báo bản mã gia đình
tôi đang gặp, giúp đỡ cho chúng tôi và xin Bà Hội Trưởng
cùng quý Hội nhận lời chúng tôi long biết ơn chân thành
ở cửu tử này, gia đình chúng tôi không bao giờ quên được

Sài Gòn ngày 10-12-1988

Thư

Phạm thị'Brien

TB
Dính kèm

- 2 Bản sao Hồ Khẩn và Chứng Minh Nhân Dân
- 1 giấy báo tử, 1 quyết định ân thưởng K.T.B.T.
- 1 giấy chứng nhận tình trạng quân sự
- 1 Hồ sơ về thời gian tu nghiệp tại Hoa Kỳ

Kính thưa Bà Hội

Bổ' Huế hồ' 80

WP 0061

Chúng tôi rất c
ngày 15/10/1988 cho
Hội và được mang c

Hồ sơ này chúng
và chứng Minh Nhân

~~đã~~ xếp vào Hồ sơ của chúng tôi. Tang nằm tại quỹ Văn phòng

Cũng xin thưa Bà rõ, chúng tôi luôn nỗ lực sinh lực
lao về công đức và đóng góp vật chất không nhỏ của quý Hội
đối với công việc nhân đạo này, song vì chúng tôi ở Bắc
Nam nên không thể nào đóng góp vào, quý Hội được vậy
xin quý Hội coi lòng nhân đạo với mục đích cao cả ấy,
xin thông cảm cho Hoàng cảnh báo thăm mà gia đình
tôi đang gặp, giúp đỡ cho chúng tôi và xin Bà Hội Trưởng
cùng quý Hội nhận lời chúng tôi lòng biết ơn chân thành
ở cuối tử này, gia đình chúng tôi không bao giờ quên được

Sân Sơn ngày 10 - 12 - 1988

TB

Dính kèm

Phạm thị'Brien

- 2 Bản sao Hồ Sơ và chứng Minh Nhân Dân
- 1 giấy báo tử, 1 quyết định ân thưởng K.T.B.T.
- 1 giấy chứng nhận tình trạng quân sự
- 1 Hồ sơ về thời gian tu nghiệp tại Hoa Kỳ

WP 006E

B.T.L. ĐOÀN 500

Trung đoàn 11

Số : 24/BC

GIẤY BẢO CHẾT

Họ và tên : Trần Văn Liên Năm sinh : 1936

Cấp bậc : Đại úy Số quân : 56/104294

Chức vụ trong quân đội nguy : Trưởng ban điều hành N-Đoàn

Con (chồng) của ông, bà : Phạm Thị Thên Kiểm soát - N-Đoàn

Hiện nay ngụ tại : 6/33 Cù Xá Vĩnh Mỹ Saigon

Đã tập trung học tập ngày :

Đã chết ngày : 31-8-1975

Lý do chết : Nổ mìn đơn

Mộ chí đặt tại : phần đông đơn vị

Tư trang, tài sản, di vật kỷ niệm của người chết
đã kiểm kê nộp biên bản ngày 31 / 8 / 1975..

Hiện đang giữ ở trung đoàn :

- Biên bản kiểm kê tư vật . 1 bản
- Giám định của hội đồng Y khoa .
(Nếu là ốm chết)
- Sơ đồ mộ chí . 1 bản

Sau ý lãnh chính
ngày 30-7-1976

Chức vụ : phòng Quản Huấn

Ngày 31 tháng 8 năm 1975..

THỦ TRƯỞNG ĐƠN VỊ 11

Đa Tỵ.

thiếu tá: Trần Đa

thiếu tá: Phạm Chí Thành

NG

VIỆT NAM CỘNG HÒA
BỘ QUỐC PHÒNG
BỘ TỔNG THAM MƯU QL VĨNH
TỔNG CỤC TIẾT VẬN
CỤC TRUYỀN TIN

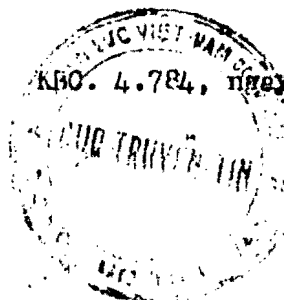
WP0061

III 7 TẤY CHỨNG NHẬN TÌNH TRẠNG QUÂN VỤ

Đại Tá BÙI-TRỌNG-THUẬN
Cục Trưởng Cục Truyền Tin
Kiêm Chỉ Huy Trưởng
Binh Chung Truyền Tin Lục Quân

III HƯNG - NHẬN :

- Cấp bậc - Họ và Tên : Đại Úy TRƯƠNG VĂN TIẾN
- Số quân : 56/104.294
- Ngạch : Trừ bị
- Đơn vị : Cục Truyền Tin
- Thâm niên quân vụ : 13 năm 8 tháng 19 ngày (tính đến ngày 08-10-1974, chỉ tính thời gian thâm niên quân vụ thực sự phục vụ trong Quân Đội)
- Đã mãn hạn khế ước đầu quân và các Cam kết phục vụ sau khóa học trong Quân Đội ngày : KHÔNG



23-8-1974

TRẦN QUANG THỊ
Cục Trưởng

Thư

— — — — —

Số : 145 TTMM/TCTV/QĐ/NPBT

WP0061

- (C) UYEST - DI NH

TRƯỜNG VĂN TIẾN Đại úy sq 56/104.294 Cục Truyền Tin

NƠI NHẬN :

KBC. 4002, ngày 30-1-74
TUN. Đại Tướng CAO VĂN VIÊN
Tổng Tham Mưu Trưởng QLVNCH
Trung Tướng ĐỒNG VĂN KHUYÊN
Tổng Cục Trưởng Tổng Cục TV
Kiêm Tham Mưu Phó Tiếp Vận/BT/M
(Ấn ký)

" Để xếp hồ sơ cá nhân "

VIỆT NAM CỘNG HÒA
BỘ QUỐC PHÒNG
BỘ TỔNG THAM MƯU QUÂN
TỔNG CỤC TIẾP VẬN
CỤC TRUYỀN TIN

KBC, 4.784, ngày 23 Th.4. 1974

ĐẠI T. B. BUI-TRONG-HUYNH

Sac-Trung Hye Truân-Tin

Trường Bình-Chiến Trại, Bắc Tân (Việt-Nam)

...TỔ ĐÀN-ĐÌNH-CAM

Dr. Su. V. S. K. K. H. H. H.

TÁ VÕ-VĂN-TỐT

Đoàn Công Nhân-Viên



WP 0061

HEADQUARTERS
UNITED STATES MILITARY ASSISTANCE COMMAND, VIETNAM
APO San Francisco 96222

13 October 1969

MACAG
LETTER ORDERS
NUMBER 10-816

SUBJECT: Invitational Travel Order Army VS- 117-70 (100) (Service)

Grade; Name; Svc No; Branch; (US Equiv Grade)
Score; Form and Date of 6700 ECL

TO: Trung Uy Truong Van TIEN 56/104 211 (LT) (US) 1/20Sep69
Trung Uy Vo Van THONG 60/138.839 SGT (E-5) 6081/1/29Aug69
Trung Uy Do Ngoc CU 60/130.868 SGT (E-5) 6081/1/11Sep69
Trung Uy Nguyen Trong HIEU 62/107.948 SGT (E-5) 6081/1/27Sep69

9821	NIC	VQ21	B132427	4C-0500/0503	18P
(WCN)	(GC)	(RCN)	(MASL ID)	(CN)	(QS)

1. The individuals listed above, members of the Army of the Republic of Vietnam (ARVN), are authorized and invited to proceed on or about 23 November 1969 from their present stations to the continental United States arriving at Travis AFB, Calif., for the purpose of attending course indicated below:

a. Course, School, and Location (in order of attendance): Radio Systems Officer, US Army Signal School, Fort Monmouth, New Jersey.

b. Reporting Date : 25 Nov 69

c. Ending Date : 8 Apr 70

2. The individuals listed herein will report upon arrival in the United States to the Chief Military Traffic Coordinating Office, Allied Liaison Section (Rm 42, Main Terminal Building), Travis AFB, Calif., who will issue a transportation request for travel to Fort Monmouth, New Jersey.

MACAG
LETTER ORDERS
NUMBER 10-816

13 October 1969

SUBJECT: Invitational Travel Order Army VS-117-70 (100) (Service)

3. Upon completion of training, the students are authorized 15 days leave in CONUS under the provisions of paragraph 2-23(1), AR 551-50. Upon completion of training/leave they will return to Travis AFB for transport to proper station in Vietnam. Commercial transportation authorized when military transportation is not available.
4. Students are not permitted by their government to purchase an automobile after arrival at their first training installation. Students are authorized by their government to travel by POV while in the U.S.
5. No dependents will accompany students, be transported or maintained at US Government expense.
6. The Government of the United States absolves itself from any blame or financial responsibility for injuries received by the individuals listed herein while in transit or undergoing training and any responsibility for any personal or property damage claim resulting from their actions.
7. If the individuals listed herein encounter any difficulties in arranging transportation after arrival in the CONUS, they will contact the Military Traffic Coordinating Office Allied Liaison, Travis AFB Calif., Telephone: IDlewood 7-2211, Ext 3164.
8. Prior to departure from their present stations the individuals listed herein will be required to be medically examined and found physically acceptable in accordance with the health provisions of the Immigration and Nationality Act (McCarran Act Sec. 212A, 1-7, Public Law 414, 82d Cong.); Foreign Quarantine Regulations of Public Health Service, Department of Health, Education, and Welfare, 42 CFR, part 71; and paragraph 2-2, AR 551-50. The Government of the Republic of Vietnam will provide the individuals concerned with sufficient funds in American dollar instruments to meet all expenses while enroute to, and for the first 15 days at, the school. Adequate uniforms as well as appropriate civilian clothing for off-duty wear should be taken. Winter uniforms are a necessity from October through April and may be desirable at other times, depending on the location of training. United States work (fatigue) uniforms, less distinctive insignia, or ARVN field uniforms, are required for field wear or technical work.
9. The United States will relieve from attendance at school and request the return to Vietnam, students who violate regulations or who otherwise

13 October 1969

MACAG
LETTER ORDERS
NUMBER 10-816

SUBJECT: Invitational Travel Order Army VS-117-70 (100) (Service)

are a detriment to the class as a whole. The Deputy Chief of Staff for Military Operations, Department of the Army, will be informed when such action is contemplated.

10. Individuals named herein are authorized to transport at MAP expense 100 pounds gross weight of personal baggage to the United States and return. Baggage will accompany the trainee. The carrying of any kind of dangerous articles (hand grenades, tear gas grenades, signal kits, etc.), firearms ammunition, explosive or incendiary ammunition or any kind of explosive device in accompanied or unaccompanied personal baggage aboard military aircraft is prohibited. Retainable instructional material will be shipped in accordance with paragraph 6-23, AR 551-50. No personal effects will be shipped with instructional material. Packages should indicate the name and rank of the student and be forwarded to HQ MACV, Training Directorate, APO San Francisco 96222.

11. Requests for leave, upon completion of course, not authorized in paragraph 3 above will be submitted direct by the individual to the Embassy of the Republic of Vietnam Washington DC 20009. Written approval in English from the Embassy to the individual will constitute approval for leave. Living allowance will not be paid for leave periods in excess of 15 days less travel time. Living allowance will not be paid for leave periods outside CONUS.

12. The mailing address of the individuals indicated herein will be in care of the U.S. Army installation to which they are attached.

13. Upon completion of training and prior to departure from your last duty station in the United States, you should be paid all accrued living allowances under these orders. This payment should include living allowance and a mileage allowance, if applicable, to Travis AFB, Calif. In all cases, the finance officer at Travis AFB or your last duty station is responsible for a review of your entitlements to ensure that you have received final and complete settlement, prior to your departure for Vietnam for all travel allowance due on this order.

14. At 0800 hours, the day after your return to Vietnam, you are to report to the Offshore Schools Branch, CTC/JGS, High Command Compound.

15. U.S. Security requirements have been complied with.

MACAG
LETTER ORDERS
NUMBER 10-816

13 October 1969

SUBJECT: Invitational Travel Order Army VS-117-70 (100) (Service)

16. No training other than that specified in paragraph 1 above will be conducted on the basis of these orders. The Government of the Republic of Vietnam has authorized the individuals to participate in flights in military aircraft during training. Travel by military aircraft on a space available basis is not authorized.

17. Living allowance authorized while in the United States will be in accordance with paragraph 6-27, AR 551-50. The finance officer effecting disbursement of funds will forward one copy of the executed voucher to the CG USARV, ATTN: USA CF&AO, APO San Francisco 96496. Travel and living allowance expenses authorized are chargeable to: 2102020 80-5006 P2100-214 S92118 (2110.3000) CIC: 200 2020 000 92118 OA#70-MV-2-218.

18. Authority: DA Airmail Mag DCSOPS/IA FMT OPS 816 DTG 141925Z May 1969.

FOR THE COMMANDER:


LYLE D. ROBB
LTC, USA
Asst AG

DISTRIBUTION:

2 DA, DCSOPS/IA FMT, Washington, DC 20310
2 CINCPAC, ATTN: J3A2, FPO 96610
2 CINCUSARPAC, ATTN: GPOP-DT, APO 96558
6 CO, USAHAC, ATTN: AVCB-COMP APO 96243
2 CG, USARV, ATTN: AVHGF-B, APO 96496
6 CO, USA CF&AO, APO 96496
2 CO, 60th Aerial Port Sqdn, ATTN: TPAX-FSLO, Travis AFB, CA 94535
2 CO, MATCO, Travis AFB, CA 94535
1 CG, Sixth US Army, Presidio of San Francisco, San Francisco, CA 94129
5 MACV Tng Dir
7 RVNAF CTC
2 MACAG-AO
2 RVNAF AG/JGS, ATTN: Asgmt Sec
1 AG Adv Br (Pers Mgt), MACJ14

WP 0061

MACAG
LETTER ORDERS
NUMBER 10-816

13 October 1969

SUBJECT: Invitational Travel Order Army VS-117-70 (100) (Service)

DISTRIBUTION: (Continued)

2 Sr Adv AFLS
2 Embassy of the Republic of Vietnam, ATTN: RVNAF Attache, 1875
Connecticut Ave, Rm 921, Washington, DC 20009
3 CG, First US Army, Ft George G. Meade, MD 20755
2 Chief, J6 Adv Div MACJ6 (TOP)
10 Gmdt, US Army Signal School, Ft Monmouth, NJ 07703
25 Ea Individ - 100

WP0061

MACAG (13 Oct 69) 1st Ind
SUBJECT: Invitational Travel Order Army VS-117-70 (100) (Service)

HEADQUARTERS, UNITED STATES MILITARY ASSISTANCE COMMAND, VIETNAM,
APO San Francisco 96222, 14 November 1969

TO: Dai Uy Truong Van TIEN 56/104.294 (CPT)
Trung Uy Vo Van THONG 60/138.639 (1LT)
Trung Uy Do Ngoc CU 60/130.368 (1LT)
Thieu Uy Nguyen Trong HIEU 62/107.948 (2LT)

So much of Basic ITO reads Trung Uy Truong Van TIEN 56/104.294 (1LT) and Trung Uy Nguyen Trong HIEU 62/107.948 (1LT) IATR Dai Uy Truong Van TIEN 56/104.294 (CPT) and Thieu Uy Nguyen Trong HIEU 62/107.948 (2LT).

FOR THE COMMANDER:

Lyle D. Robb
LYLE D. ROBB
LTC, USA
Asst AG

DISTRIBUTION:

- 2 DA, DCSOPS/IA FMT, Washington, DC 20310
- 2 CINCPAC, ATTN: J3A2, FPO 96610
- 2 CINCUSARPAC, ATTN: GPOP-DT, APO 96558
- 6 CO, USAHAC, ATTN: AVCB-COMP APO 96243
- 2 CG, USA CF&AO, APO 96496
- 2 CO, 60th Aerial Port Sqdn, ATTN: TPAX-FSLO, Travis AFB, CA 94535
- 2 CO, MATCO, Travis AFB, CA 94535
- 1 CG, Sixth US Army, Presidio of San Francisco, San Francisco, CA 94129
- 5 MACV Tng Dir (VCN 9821)
- 7 RVNAF CTC
- 2 MACAG-AO
- 2 RVNAF AG/JCS, ATTN: Asgmt Sec
- 1 AG Adv Br (Pers Mgt), MACJLA
- 2 Sr Adv AFIS
- 2 Embassy of the Republic of Vietnam, ATTN: RVNAF Attache, 1875 Connecticut Ave, Rm 921, Washington, DC 20009
- 3 CG, First US Army, Ft George G. Meade, MD 20755
- 2 Chief, J6 Adv Div MACJ6 (TOP)
- 10 Comdt, US Army Signal School, Ft Monmouth, NJ 07703
- 25 Ea Indiv - 100

Sai Gon 01-08-1988

Kính gửi Ban Hội Trưởng

Hội tù nhân CTVN tại Hoa Kỳ.

Kính thưa ban

Tôi tên : Phạm Thị Viên 49 tuổi, sinh quán tại
kã phước Tuy, Huyện Cần Đước, Tỉnh Long An.

Chồng tôi tên: Dương Văn Tiến. Nguyên là sĩ quan
Quân Lực Việt Nam Cộng Hòa. Cấp bậc: Đại úy, Đơn
vị: Cục Truyền Tin, Bộ quân: 56/104294. Đã theo
học tại Hoa Kỳ từ: 25-11-1969 đến 08-04-1970
Khóa học: RADIO SYSTEMS OFFICER, US ARMY SIGNAL
SCHOOL, FOR HONMBUTH, NEW JERSEY

Sau 30/4, chồng tôi bị bắt đi cải tạo vãng 31-8
1975, được tin chồng tôi và một số bạn bị sát hại trong
trại tù Cải tạo. Chúng tôi nhận được giấy báo tử, từ
trại cải tạo gửi về, mà lý do chết chúng tôi không thể
tin đó là sự thật. Chồng tôi đã chết, vợ góa con côi, tôi
phải nuôi con trong sự thiếu thốn của tôi. Để chúng tôi
cha nó đã sống phục vụ thế giới tự do và đã chết
vì Tự Do.

Nay được tin chính sách của Hoa Kỳ nhằm đạo
cứu vết tốt những người cùng Hoa Kỳ chiến đấu
bảo vệ Tự Do mà giờ họ đang bị sống khổ
khó ở Việt Nam. Chồng tôi đã chết không
còn tiếng nói, không ai biết đến và đã trở thành
chiến sĩ vô danh, tôi mạo muội theo một số chị
em cùng cảnh ngộ viết đơn này, kính gửi Ban Hội
Trưởng. Kính xin Ban xét để giúp đỡ cho gia
đình chúng tôi "CÔ NHÌ, QUẢ PHỤ" được đất
ân sang định cư tại Hoa Kỳ nếu những

gia đình các xi' quan QLVNCH khác

gia đình tôi gồm :

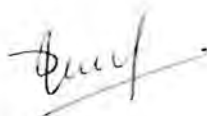
- 1 - Phạm Thị Trên
- 2 - Trường Thị Hương Sơn
- 3 - Trường Minh Triết
- 4 - Trường Quốc Vũ
- 5 - Trường Thị Thanh Ngọc
- 6 - Trường Ngọc Sơn
- 7 - Trường Thị Thu Hoa

Trong khi chờ đợi xin bà Hội Trưởng nhận nỗi đây lòng biết ơn chân thành của chúng tôi. Và xin bà hội âm cho chúng tôi, để gia đình tôi được yên tâm.

Đính kèm : 1. Questionnaire FOR ex Political prisoner
IN VIET NAM

- 2 - 01 bằng sao giấy khen từ
- 3 - 01 giấy hôn thú
- 4 - 01 bằng sao giấy chứng nhận tình trạng quân sự.
- 5 - 07 giấy khen năm với 07 lần hình
- 6 - bằng sao một số giấy tờ có liên quan đến thời gian du học tại Hoa Kỳ.

Ký tên .



Phạm Thị Trên

Sài Gòn 01 - 08 - 1988

Kính gửi Ban Hội Trưởng

Hội tư nhân CTVN tại Hoa Kỳ

Kính thưa ban

Tôi tên : Phạm Tri Viên 49 tuổi, sinh quán tại
khu phố Tuy, huyện Cần Đức, tỉnh Long An.

Chồng tôi tên: Dương Văn Tấn. Nguyên là sĩ quan
Quân Lực Việt Nam Cộng Hòa. Cấp bậc: Đại úy, đơn
vị: Cục Truyền Tin, Bộ Quốc : 56/LC4294. Đã theo
học tại Hoa Kỳ từ: 25-11-1969 đến 08-04-1970
Khóa học: RADIO SYSTEMS OFFICER, US ARMY SIGNAL
SCHOOL, FOR MONMOUTH, NEW JERSEY

Sau 30/4, chồng tôi bị bắt đi cải tạo vũ đạo 31-8
1975, được tin chồng tôi và một số bạn bị sát hại trong
trại tù Cải tạo. Chúng tôi nhận được giấy báo tử, từ
trại cải tạo gửi về, mà lý do chết chúng tôi không thể
tin đó là sự thật. Chồng tôi đã chết, vợ góa con côi, tôi
phải nuôi con trong sự giáo dục của tôi. Để chúng hiểu
cha nó đã sống phục vụ thế giới tự do và đã chết
vì Tự Do.

Nay được tin chính sách của Hoa Kỳ nhân đạo
cứu vớt tới những người cùng Hoa Kỳ chiến đấu
bảo vệ Tự Do mà giờ họ đang bị sống không
khỏi ở Việt Nam. Chồng tôi đã chết không
còn tiếng nói, không ai biết đến và đã trở thành
chiến sĩ vô danh, tôi mạo muội theo một số chị
em cùng cảnh ngộ viết đơn này, kính gửi Ban Hội
Trưởng. Kính xin Ban xét để giúp đỡ cho gia
đình chúng tôi "CÔ NHÌ, QUÁ PHỤ" được đặt
ân sang định cư tại Hoa Kỳ nếu những

gia đình các sĩ quan QLVNCH khác
gia đình tôi gồm :

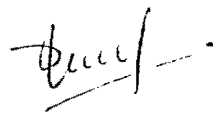
- 1 - Phạm Thị Trên
- 2 - Trường Thị Hương Sơn
- 3 - Trường Minh Quyết
- 4 - Trường Quốc Vũ
- 5 - Trường Thị Thanh Ngọc
- 6 - Trường Ngọc Sơn
- 7 - Trường Thị Thu Hoa

Trong thời chờ đợi xin bà Hội Trưởng viên nỗ này
- lòng biết ơn chân thành của chúng tôi. Và xin bà
hồi âm cho chúng tôi, để gia đình tôi được yên tâm.

Đính kèm : 1. Questionnaire FOR ex Political prisoner
IN VIET NAM

- 2 - 01 bằng sao giấy khen tử
- 3 - 01 giấy hôn thú
- 4 - 01 bằng sao giấy chứng nhận tình
trạng quân sự.
- 5 - 07 giấy khai sinh và 07 hình ảnh
- 6 - bằng sao một số giấy tờ có liên quan
đến thời gian du học tại Hoa Kỳ.

Ký tên.



Phạm Thị TRÊN

Saigon ngày 15-7-1988

Thưa Bà
Tôi vẫn thường được nghe bạn bè thân thuộc nhắc đến Bà và rất lấy làm cảm kích về công việc của Bà hiện nay là có tiếng nói và việc làm hầu giúp đỡ đến những người còn lại. Hôm nay tôi xin viết lá thư này đến Bà và mong sao được Bà cảm thông và giúp đỡ.

Thưa Bà, Ông tôi là Sĩ Quan của Quân Đội Việt Nam Cộng Hòa, Sau ngày 30-4-76 bị vào trại tập trung của Sĩ Quan và chịu một hoàn cảnh như tất cả những người còn lại, phải nằm trời qua trong Trại tù, vào ngày 16-9-1976 thì Chàng tôi đã chết và hai mươi tháng sau tôi mới thấy tin và nhận được giấy báo tử Chàng tôi đã chết trong tình trạng kiệt sức của thời gian tù đầy. Hoàn cảnh thật đau khổ, tôi và các con còn lại phải tự phân thân để sống, và tôi nghĩ rằng những người đã ra đi không quên tình đồng đội đến với những bạn bè còn lại. Tôi hy vọng sẽ được họ giúp đỡ với hoàn cảnh một người vợ của một Sĩ Quan đã bỏ mình trong trại tù sau ngày 30-4-76. Với ý nghĩ đó đã thúc đẩy tôi làm đơn này xin được di trú tại đất nước mà trước kia được là đồng minh với Chàng tôi. Thưa Bà tôi xin tôi đã gửi vào ngày (1982) và sau đó tôi được nhận một hồ sơ có số JV045-363. Đây là chứng minh ODL và Sĩ Quan Mỹ có yêu cầu tôi bổ túc những hồ sơ cá nhân cần thiết của gia đình trước năm 1975. Thưa Bà sự yêu cầu này tôi đã không có đủ điều kiện để thực hiện, như Bà đã biết gia đình tôi đã chịu một cuộc di tản khủng khiếp từ Huế vào Sài Gòn trong thời gian đó, nên khi vào đến Sài Gòn thì chúng tôi không còn

một giây tờ và tài sản... Vì bây giờ nay tôi
xin được Bà giúp đỡ, nếu được với thăm quynh xin
Bà cho gia đình chúng tôi được biết rõ chúng tôi
có được chấp thuận theo danh sách những người được
chính phủ Mỹ nhận nhập cư tại Mỹ theo tình hình
nhân đạo hay không? Vì với hồ sơ tôi nhận được
từ sứ quán Mỹ (chứng trình ODP Bangkok) cho đến
nay tôi không nhận được thêm một giây tờ nào
khác với những lời hứa về sự đi trú, hay tình
thần nhân đạo của chính phủ Hoa Kỳ. Sở dĩ
tôi muốn dán hy vọng và chờ đợi vì tôi vẫn tự nghĩ
hàng đầu sao đây tôi đã chết còn lại tôi và các
con, chúng tôi tự hành đến mình là một thành viên
trung đại gia đình đoàn đội tình thân nhân đạo của
chính phủ Hoa Kỳ đối với các gia đình si quan
còn lại làm tôi phần khổ, với Bà làm tôi phần
ngại đến một hy vọng nào đó may được Bà giúp
đỡ để tôi và các con được biết rõ chúng tôi
có được cái may mắn là có tên trong danh
sách được đi trú tại Mỹ hay không?

Thưa Bà, gia đình chúng tôi mong mỏi sự hồi
đáp của Bà, tôi kính gửi đến Bà và gia đình lời
câu chúc đại mọi sự an lành để Bà được tiếp tục
công việc mà mọi người đang nguyện mộ.

Kính thư

Thanh

Đ. Thị Thanh

Thưa Bà, kèm theo đây, tôi xin viết thêm vài hàng
về gia đình. Đây tôi trước là Sĩ quan pháo
bình thuộc tiểu đoàn 101 pháo binh ở đây đơn
trị tại Huế (cơ sở 17 quốc lộ 1) cấp bậc
Đại úy pháo đài trưởng. Căn cước Quân nhân
số 014939 KB 4125 cấp ngày 15-8-1970.

Tất cả những giấy tờ trên đây tôi chỉ ghi lại
trong quyển sổ tay sau khi chôn, tôi chết,
phần Bà, đây tôi ra đi và chết để lại tôi
và 5 đứa con vì sức ép tình thân của xã
hội lúc này với ý chí may mắn và chờ đợi quá
lâu, tôi đã để cho 3 con lớn tôi ra đi,
hiện nay chúng đang ở tại trại 71 nạn nhân
lưu và đang được phái đoàn Hoa Kỳ lập thủ
tục di trú tại Mỹ.

Với tất cả những di hên trên tôi tha thiết
được Bà cho biết ý hên và giúp đỡ để
gia đình tôi nhận được đặc ân nhân đạo.

Một lần nữa tôi xin chân thành cảm ơn Bà.

Độc chi:

Đ. Thị Thanh

176/g đường Trần Hưng Đạo

phố 15 - Quận Phú Nhuận TP. HCM

DM: Phạm Thị Trâm

G 33 cũ xã Vĩnh Hội, phường 6, Quận 4

Thành phố Hồ Chí Minh, VIỆT NAM

PAR AVION



R 9 5 2

Tư nhân liệt

MAY DAY
PAR AVION

TO: MRS TRỊNH NGỌC DUNG

Box: 5435 ARLINGTON

Va: 22205 - 0635 USA

ÁP GẤP
ÁP NHẬN

Ghi chú:

- Học tập cải tạo 1975
- Chết trong trại cải tạo 8/31/1975
- Có giấy khai tử
- Giấy hộ tịch: ~~đang~~ tử

10/15/88
Đúng

HEADQUARTERS
UNITED STATES MILITARY ASSISTANCE COMMAND, VIETNAM
APO San Francisco 96222

13 October 1969

MACAG
LETTER ORDERS
NUMBER 10-816

SUBJECT: Invitational Travel Order Army VS- 117-70 (100) (Service)

Grade; Name; Svc No; Branch; (US Equiv Grade)
Score; Form and Date of 6700 ECL

TO: Trung Uy Truong Van THAN 55/104 21 (LTC) 60/120 1/20Sep69
Trung Uy Vo Van THONG 60/133 639 800 (LTC) 60EL/J/29Aug69
Trung Uy Do Ngao CU 60/120 138 125 100 (LTC) 60/120 1/20Sep69
Trung Uy Nguyen Trong HIEU 62/107 948 510 (LTC) 62/120 1/27Sep69

<u>9821</u>	<u>N1C</u>	<u>VQ21</u>	<u>B132427</u>	<u>4C-0500/0503</u>	<u>18P</u>
(WCN)	(GC)	(RCN)	(MASL ID)	(CN)	(QS)

1. The individuals listed above, members of the Army of the Republic of Vietnam (ARVN), are authorized and invited to proceed on or about 23 November 1969 from their present stations to the continental United States arriving at Travis AFB, Calif., for the purpose of attending course indicated below:

a. Course, School, and Location (in order of attendance): Radio Systems Officer, U. S. Army Signal School, Fort Monmouth, New Jersey.

b. Reporting Date : 25 Nov 69

c. Ending Date : 8 Apr 70

2. The individuals listed herein will report upon arrival in the United States to the Chief Military Traffic Coordinating Office, Allied Liaison Section (Rm 42, Main Terminal Building), Travis AFB, Calif., who will issue a transportation request for travel to Fort Monmouth, New Jersey.

MACAG
LETTER ORDERS
NUMBER 10-816

13 October 1969

SUBJECT: Invitational Travel Order Army VS-117-70 (100) (Service)

3. Upon completion of training, the students are authorized 15 days leave in CONUS under the provisions of paragraph 2-23(1), AR 551-50. Upon completion of training/leave they will return to Travis AFB for transport to proper station in Vietnam. Commercial transportation authorized when military transportation is not available.
4. Students are not permitted by their government to purchase an automobile after arrival at their first training installation. Students are authorized by their government to travel by POV while in the U.S.
5. No dependents will accompany students, be transported or maintained at US Government expense.
6. The Government of the United States absolves itself from any blame or financial responsibility for injuries received by the individuals listed herein while in transit or undergoing training and any responsibility for any personal or property damage claim resulting from their actions.
7. If the individuals listed herein encounter any difficulties in arranging transportation after arrival in the CONUS, they will contact the Military Traffic Coordinating Office Allied Liaison, Travis AFB Calif., Telephone: IDlewood 7-2211, Ext 3164.
8. Prior to departure from their present stations the individuals listed herein will be required to be medically examined and found physically acceptable in accordance with the health provisions of the Immigration and Nationality Act (McCarran Act Sec. 212A, 1-7, Public Law 414, 82d Cong.); Foreign Quarantine Regulations of Public Health Service, Department of Health, Education, and Welfare, 42 CFR, part 71; and paragraph 2-2, AR 551-50. The Government of the Republic of Vietnam will provide the individuals concerned with sufficient funds in American dollar instruments to meet all expenses while enroute to, and for the first 15 days at, the school. Adequate uniforms as well as appropriate civilian clothing for off-duty wear should be taken. Winter uniforms are a necessity from October through April and may be desirable at other times, depending on the location of training. United States work (fatigue) uniforms, less distinctive insignia, or ARVN field uniforms, are required for field wear or technical work.
9. The United States will relieve from attendance at school and request the return to Vietnam, students who violate regulations or who otherwise

MACAG
LETTER ORDERS
NUMBER 10-816

13 October 1969

SUBJECT: Invitational Travel Order Army VS-117-70 (100) (Service)

are a detriment to the class as a whole. The Deputy Chief of Staff for Military Operations, Department of the Army, will be informed when such action is contemplated.

10. Individuals named herein are authorized to transport at MAP expense 100 pounds gross weight of personal baggage to the United States and return. Baggage will accompany the trainee. The carrying of any kind of dangerous articles (hand grenades, tear gas grenades, signal kits, etc.), firearms ammunition, explosive or incendiary ammunition or any kind of explosive device in accompanied or unaccompanied personal baggage aboard military aircraft is prohibited. Retainable instructional material will be shipped in accordance with paragraph 6-23, AR 551-50. No personal effects will be shipped with instructional material. Packages should indicate the name and rank of the student and be forwarded to HQ MACV, Training Directorate, APO San Francisco 96222.

11. Requests for leave, upon completion of course, not authorized in paragraph 3 above will be submitted direct by the individual to the Embassy of the Republic of Vietnam Washington DC 20009. Written approval in English from the Embassy to the individual will constitute approval for leave. Living allowance will not be paid for leave periods in excess of 15 days less travel time. Living allowance will not be paid for leave periods outside CONUS.

12. The mailing address of the individuals indicated herein will be in care of the U.S. Army installation to which they are attached.

13. Upon completion of training and prior to departure from your last duty station in the United States, you should be paid all accrued living allowances under these orders. This payment should include living allowance and a mileage allowance, if applicable, to Travis AFB, Calif. In all cases, the finance officer at Travis AFB or your last duty station is responsible for a review of your entitlements to ensure that you have received final and complete settlement, prior to your departure for Vietnam for all travel allowance due on this order.

14. At 0800 hours, the day after your return to Vietnam, you are to report to the Offshore Schools Branch, CTC/JGS, High Command Compound.

15. U.S. Security requirements have been complied with.

MACAG
LETTER ORDERS
NUMBER 10-816

13 October 1969

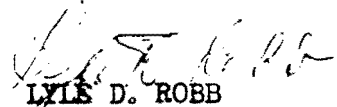
SUBJECT: Invitational Travel Order Army VS-117-70 (100) (Service)

16. No training other than that specified in paragraph 1 above will be conducted on the basis of these orders. The Government of the Republic of Vietnam has authorized the individuals to participate in flights in military aircraft during training. Travel by military aircraft on a space available basis is not authorized.

17. Living allowance authorized while in the United States will be in accordance with paragraph 6-27, AR 551-50. The finance officer effecting disbursement of funds will forward one copy of the executed voucher to the CG USARV, ATTN: USA CF&AO, APO San Francisco 96496. Travel and living allowance expenses authorized are chargeable to: 2102020 80-5006 P2100-214 S92118 (2110.3000) CIC: 200 2020 000 92118 OA#70-MV-2-218.

18. Authority: DA Airmail Msg DCSOPS/IA FMT OPS 816 DTG 141925Z May 1969.

FOR THE COMMANDER:


LYLE D. ROBB
LTC, USA
Asst AG

DISTRIBUTION:

2 DA, DCSOPS/IA FMT, Washington, DC 20310
2 CINCPAC, ATTN: J3A2, FPO 96610
2 CINCUSARPAC, ATTN: GPOP-DT, APO 96558
6 CO, USAHAC, ATTN: AVCB-COMP APO 96243
2 CG, USARV, ATTN: AVHGF-B, APO 96496
6 CO, USA CF&AO, APO 96496
2 CO, 60th Aerial Port Sqdn, ATTN: TPAI-FSLO, Travis AFB, CA 94535
2 CO, MATCO, Travis AFB, CA 94535
1 CG, Sixth US Army, Presidio of San Francisco, San Francisco, CA 94129
5 MACV Tng Dir
7 RVNAF CTC
2 MACAG-AO
2 RVNAF AG/JGS, ATTN: Asgmt Sec
1 AG Adv Br (Pers Mgt), MACJ14

MACAG
LETTER ORDERS
NUMBER 10-816

13 October 1969

SUBJECT: Invitational Travel Order Army VS-117-70 (100) (Service)

are a detriment to the class as a whole. The Deputy Chief of Staff for Military Operations, Department of the Army, will be informed when such action is contemplated.

10. Individuals named herein are authorized to transport at MAP expense 100 pounds gross weight of personal baggage to the United States and return. Baggage will accompany the trainee. The carrying of any kind of dangerous articles (hand grenades, tear gas grenades, signal kits, etc.), firearms ammunition, explosive or incendiary ammunition or any kind of explosive device in accompanied or unaccompanied personal baggage aboard military aircraft is prohibited. Retainable instructional material will be shipped in accordance with paragraph 6-23, AR 551-50. No personal effects will be shipped with instructional material. Packages should indicate the name and rank of the student and be forwarded to HQ MACV, Training Directorate, APO San Francisco 96222.

11. Requests for leave, upon completion of course, not authorized in paragraph 3 above will be submitted direct by the individual to the Embassy of the Republic of Vietnam Washington DC 20009. Written approval in English from the Embassy to the individual will constitute approval for leave. Living allowance will not be paid for leave periods in excess of 15 days less travel time. Living allowance will not be paid for leave periods outside CONUS.

12. The mailing address of the individuals indicated herein will be in care of the U.S. Army installation to which they are attached.

13. Upon completion of training and prior to departure from your last duty station in the United States, you should be paid all accrued living allowances under these orders. This payment should include living allowance and a mileage allowance, if applicable, to Travis AFB, Calif. In all cases, the finance officer at Travis AFB or your last duty station is responsible for a review of your entitlements to ensure that you have received final and complete settlement, prior to your departure for Vietnam for all travel allowance due on this order.

14. At 0800 hours, the day after your return to Vietnam, you are to report to the Offshore Schools Branch, CTC/JGS, High Command Compound.

15. U.S. Security requirements have been complied with.

MACAG
LETTER ORDERS
NUMBER 10-816

13 October 1969

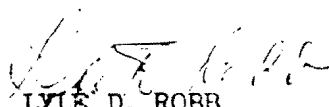
SUBJECT: Invitational Travel Order Army VS-117-70 (100) (Service)

16. No training other than that specified in paragraph 1 above will be conducted on the basis of these orders. The Government of the Republic of Vietnam has authorized the individuals to participate in flights in military aircraft during training. Travel by military aircraft on a space available basis is not authorized.

17. Living allowance authorized while in the United States will be in accordance with paragraph 6-27, AR 551-50. The finance officer effecting disbursement of funds will forward one copy of the executed voucher to the CG USARV, ATTN: USA CF&AO, APO San Francisco 96496. Travel and living allowance expenses authorized are chargeable to: 2102020 80-5006 P2100-214 S92118 (2110.3000) CIC: 200 2020 000 92118 OA#70-MV-2-218.

18. Authority: DA Airmail Msg DCSOPS/IA FMT OPS 816 DTG 141925Z May 1969.

FOR THE COMMANDER:


LYLE D. ROBB
LTC, USA
Asst AG

DISTRIBUTION:

2 DA, DCSOPS/IA FMT, Washington, DC 20310
2 CINCPAC, ATTN: J3A2, FPO 96610
2 CINCUSARPAC, ATTN: GPOP-DT, APO 96558
6 CO, USAHAC, ATTN: AVCB-COMP APO 96243
2 CG, USARV, ATTN: AVHGF-B, APO 96496
6 CO, USA CF&AO, APO 96496
2 CO, 60th Aerial Port Sqdn, ATTN: TPAI-FSLO, Travis AFB, CA 94535
2 CO, MATCO, Travis AFB, CA 94535
1 CG, Sixth US Army, Presidio of San Francisco, San Francisco, CA 94129
5 MACV Tng Dir
7 RVNAF CTC
2 MACAG-AO
2 RVNAF AG/JGS, ATTN: Asgmt Sec
1 AG Adv Br (Pers Mgt), MACJ14

B.T.L. ĐOÀN 500

Trung đoàn 11

Số : 21/BC

GIẤY BẢO CHẾT

Họ và tên : Trương Nẫu Liên Năm sinh : 1936

Cấp bậc : Đại úy Số quân : 56/104294

Chức vụ trong quân đội nguy : Tướng Lữ Đoàn 11

Con (chồng) của ông, bà : Phạm Thị Trâm Kiểm soát - Duyệt

Hiện nay ngụ tại : 6/33 Cù Xá Vĩnh Lộc Sài Gòn

Đã tập trung học tập ngày :

Đã chết ngày : 31-8-1975

Lý do chết : Nổ lựu đạn

Mộ chí đặt tại : phía đông đơn vị

Tư trang, tài sản, di vật kỷ niệm của người chết
đã kiểm kê nộp biên bản ngày 31/8/1975.

Hiện đang giữ ở trung đoàn :

- Biên bản kiểm kê tư vật . 1 bản
- Giám định của hội đồng Y khoa .
(Nếu là ốm chết)
- Sơ đồ mộ chí . 1 bản

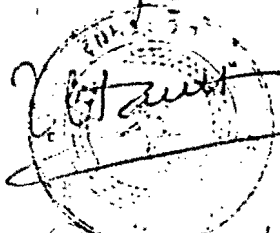
Sơ ký Đoàn 11
Ngày 30-8-1975

Ngày 31 tháng 8 năm 1975..

THỦ TRƯỞNG ĐƠN VỊ 11

Chức vụ : Phó Đoàn 11

Đã ký



Thiếu tá: Trần Đức

Thiếu tá: Phạm Chí Thành

TRAVEL VOUCHER OR SUBVOUCHER (Complete with ink, ball-point pen or typewriter. DO NOT use lead pencil.)					BUREAU / CO	SUBVOUCHER NO.	DO NOT WRITE IN THESE SPACES
PAYMENT FOR			PAYMENT DESIRED		PAID BY		
TDY/TAD PER DIEM		TDY/TAD TRAVEL		PCS TRAVEL		CHECK CASH	
TRAVEL ORDERS (Paragraph, S.O. No., Issuing Hq., Date. Include amending orders.)							
ITO Army VS-117-70(100) Serv, HQUSMAC, APO SF96222, 130ct69							
PRIOR TRAVEL PAYMENTS OR ADVANCES UNDER THESE ORDERS (Amount, DO Vou No., date received, place paid, or DO Station) NONE If none, so state.) VIETNAM							
LAST NAME—FIRST NAME—MIDDLE INITIAL (Soundex Code) (Print/Type)				GRADE/RANK		SERVICE NO.	
Tien, Truong Van				CPT		56/104.294	
CHECK MAILING ADDRESS (Include Zip Code)				DUTY PHONE NO.			
ORGANIZATION AND STATION							
ALVD, USASCS, PORT MONMOUTH, N.J. 07703							
I. ITINERARY (See Reverse for Definition)							
DATE	LOCAL STANDARD TIME (24 Hour Clock)	PLACE (Base, Activity, City and State; City and Country, Etc.)	MODE OF TRAVEL	REASON FOR STOP	GOVT QTS USED	NON-GOVT QTS USED	NUMBER MEALS USED
					GOVT	NON-GOVT	OFFICERS OPEN MESS
23Nov	DEP 1200	Saigon, Vietnam	TP				
23Nov	ARR 2100	Travis AFB, Calif.		X			
24Nov	DEP 1500	Travis AFB, Calif.	GB				
24Nov	ARR 1500	San Fran Intl AP, Calif.					
24Nov	DEP 2200	San Fran AP, Calif.	TP				
25Nov	ARR 0630	JFK Int'l AP, N.Y.					
25Nov	DEP 0700	JFK Int'l AP, N.Y.	TP				
25Nov	ARR 0810	Red Bank AP, N.J.					
25Nov	DEP 0820	Red Bank AP, N.J.	GA				
25Nov	ARR 0830	Port Monmouth, N.J.		TDI			
14Dec	DEP 2400	Still tdy Ft Mon, NJ					
	ARR						
II. FOR DO USE ONLY							
1. COMPUTATIONS							
PER DIEM: 20 @ 6.00 - 120.00							
2 @ 9.00 - 18.00							
III. REIMBURSABLE EXPENSES							
DATE	NATURE AND EXPLANATION					AMOUNT CLAIMED	ALLOWED
							BAS/COLA ADJ ON MPR
							BAS/COLA ADJ NOT REQUIRED
							BAS/COLA RATE
IV. TRANSPORTATION REQUESTS/MEAL TICKETS USED							
NUMBER		FROM		TO		DD 753	OTD
A-7,031,061		Saigon, Vietnam		Travis AFB, Calif.		HIWY	CC
R-9,096,420		San Fran Intl AP, Calif.		Red Bank, N.J.		2. SUMMARY OF PAYMENT	
V. CHARGES—BOQ OR NON-GOVT MEALS AND QTS						PER DIEM (Net Payable)	
FROM (Date)	TO (Date)	TYPE	RATE	TOTAL PAID	138.00		
					MILEAGE OR TRANSPORTATION ALLOWANCES		
					REIMBURSABLE EXPENSES		
					TOTAL AMOUNT DUE		
					138.00		
VI. LEAVE STATEMENT						LESS PREVIOUS PAYMENTS (Droppage)	
I was authorized _____ days leave. _____ days were taken between _____ and _____ inclusive.						AMOUNT CHARGED TO ACCOUNTING CLASS.	
						138.00	
						LESS VOUCHER DEDUCTIONS	
I hereby claim any amount due me. The statements on face, reverse, and attached are true and complete. Payment or credit has not been received.						SIGNATURE OF CLAIMANT AND DATE	
						Truong Van Tien	
ACCOUNTING CLASSIFICATION:							
2102020 80-5006 P2100-214 892118							
(2110.3000) CIC: 200 2020 000 92118							
CA/70-MV-2-218							
138.00							
COLLECTION DATA							
COMPILED BY	AUDITED BY	TVE RCRO POSTED BY	RECEIVED (Payee signature & date, or check no.)			AMOUNT PAID	
AFS	R	AFS	6045-3583			138.00	

CLAIMANT'S STATEMENTS

I have included herein all travel and transportation used on leave, delay en route or travel to home or permanent station for personal reasons. If travel by POV was authorized as more advantageous to the Government I, as owner or operator of the vehicle, was primarily responsible for payment of its operating expenses.

I have not included travel, transportation and/or TDY for which I have received pay or credit from any other agency of the U.S., foreign government, or the United Nations, except as jointly authorized by the secretaries concerned.

I actually performed the travel herein. Government quarters and Government mess were not utilized except as indicated.

PENALTY

The penalty for wilfully making a false claim is: A maximum fine of \$10,000 or maximum imprisonment of 5 years, or both. (*U.S. Code, Title 18, section 287, formerly section 80.*)

REQUIRED ATTACHMENTS

1. Original and/or copies of travel orders and amendments as instructed.
2. Traveler's copy of each transportation request (*SF 1169B*) used.
3. All receipts from transportation officer for unused transportation requests, carriers' tickets, and meal tickets.
4. Receipts from carriers if cost of transportation is claimed.
5. Charge letters for transportation requests received en route.
6. Statements of nonavailability (*quarters, mess and directed mode of transportation*).

SYMBOLS

MEANS (Mode) OF TRAVEL		REASONS FOR STOPS	
FIRST LETTER	SECOND LETTER		
1. TRNSPN REQ T	5. AUTO A	10. AWAITING TRNSPN AT	16. MISSION COMPLETE MMC
2. GOVT TRNSPN G	6. BUS B	11. CHANGE MODE OF TRNSPN CM	17. MECHANICAL DIFFICULTY MEC
3. COMLT TRNSPN C	7. PLANE P	12. CREWREST CR	18. PICKUP CARGO (<i>passengers</i>) PC
(<i>own expense</i>)	8. RAIL R	13. DISCH CARGO (<i>passengers</i>) DC	19. REMAIN OVERNIGHT RON
4. PRIVATE VEHICLE P	9. VESSEL V	14. LEAVE/DELAY EN ROUTE LV	20. TEMPORARY DUTY TDY
		15. MAINTENANCE (<i>refuel</i>) MA	21. WEATHER ADVERSE WX

TYPE OF CHARGES

- | | |
|---|----------------------------------|
| 22. BACHELOR OFFICER'S QTS. BOQ | 23. NON-GOVT MEALS NGM |
| 24. NON-GOVERNMENT QTS. NGQ | |

DEFINITION (*This definition pertains to military personnel only*)

NON-GOVERNMENT QUARTERS AND MEALS.

Meals and quarters furnished (*with or without charge*) incident to temporary duty by: (1) Local or State governments; (2) Foreign governments; (3) Other U.S. Government agencies; (4) U.S. Government contractors; or (5) Private organizations such as the National Red Cross during disasters.

REMARKS

VII. APPROVED FOR PAYMENT (*When required by individual service regulations*)

DATE	SIGNATURE OF AUTHORIZED APPROVING/CERTIFYING OFFICER
------	--

TRAVEL VOUCHER OR SUBVOUCHER					SUBVOUCHER NO.							
(Complete with ink, ball-point pen or typewriter. DO NOT use lead pencil)					417481							
PAYMENT FOR			PAYMENT DESIRED		PAID BY							
IDY/TAD PER DIEM	IDY/TAD IPA-EL	PCS TRAVEL	CHECK	CASH	H. No. 100 DEC 18 1969 Symbol No. G5083							
TRAVEL ORL 25 (Paragraph, S.O. No., Issuing Hq., Date. Include amending orders.)												
ITO Army VS-117-70(100)Serv, HQUSMAC, APO SF96222, 130ct69 (Amount, DO You No., date received, place paid, or DO Station) NONE (If none, so state.) VIETNAM												
LAST NAME - FIRST NAME - MIDDLE INITIAL (Soundex Code) (Print Type)			GRADE RATING									
Tien, Truong Van			CPT									
CHECK MAILING ADDRESS (Include Zip Code)			DUTY PHONE NO.									
ORGANIZATION AND STATION												
ALVD, USASCS, FORT MONMOUTH, N.J. 07703												
I. ITINERARY (See Reverse for Definition)												
DATE	LOCAL STANDARD TIME (24 Hour Clock)	PLACE (Base, Activity, City and State; City and Country, Etc.)	MODE OF TRAVEL	REASON FOR TRIP	GOVT QTS			NUMBER MEALS USED			SPEEDOMETER READING OR MILEAGE	II. FOR DO USE ONLY
					USED	NOT USED	NOT GOVT QTS USED	GOVT	NON-GOVT	OFFICERS OPEN MESS		
23Nov	DEP 1200	Saigon, Vietnam	TP									
23Nov	ARR 2100	Travis AFB, Calif.			X							PER DIEM: 20 @ 6.00 - 120.00 2 @ 9.00 - 18.00
24Nov	DEP 1500	Travis AFB, Calif.	GB									
24Nov	ARR 1600	San Fran Intl AP, Calif.										
24Nov	DEP 2200	San Fran AP, Calif.	TP									
25Nov	ARR 0530	JFK Int'l AP, N.Y.										
25Nov	DEP 0700	JFK Int'l AP, N.Y.	TP									
25Nov	ARR 0810	Red Bank AP, N.J.										
25Nov	DEP 0820	Red Bank AP, N.J.	GA									
25Nov	ARR 0830	Fort Monmouth, N.J.		TDY								
14Dec	DEP 2400	Still tdy Ft Mon, NJ										
	ARR											
III. REIMBURSABLE EXPENSES												
DATE	NATURE AND EXPLANATION	AMOUNT CLAIMED	ALLOWED	BAS/COLA ADJ ON VPR								
IV. TRANSPORTATION REQUESTS/MEAL TICKETS USED												
NUMBER	FROM	TO	DD 753	OID								
A-7,031,061	Saigon, Vietnam	Travis AFB, Calif.	HIWY	CC								
P-9,096,420	San Fran Intl AP, Calif.	Red Bank, N.J.										
2. SUMMARY OF PAYMENT												
PER DIEM (Net Payable)												
138.00												
MILEAGE OR TRANSPORTATION ALLOWANCES												
REIMBURSABLE EXPENSES												
TOTAL AMOUNT DUE	138.00											
LESS PREVIOUS PAYMENTS (Dropage)												
AMOUNT CHARGED TO ACCOUNTING CLASS.	138.00											
LESS VOUCHER DEDUCTIONS												
V. CHARGES—GOVT OR NON-GOVT MEALS AND QTS					VI. LEAVE STATEMENT							
FROM (Date)	TO (Date)	TYPE	RATE	TOTAL PAID	I was authorized _____ days							
I hereby claim any amount due me. The statements on face, reverse, and attached are true and complete. Payment or credit has not been received.					SIGNATURE OF CLAIMANT AND DATE Truong Van Tien							
ACCOUNTING CLASSIFICATION:												
2102020 80-5006 P2100-214 S92118 (2110.3000) CIC: 200 2020 000 92118 OA#70-NV-2-213												
138.00												
6445-3583												
DD FORM 1351-2 (1-64) PREVIOUS EDITIONS ARE OBSOLETE. FORM APPROVED BY COMPTROLLER GENERAL, JULY 2, 1965												

CLAIMANT'S STATEMENTS

I have included herein all travel and transportation used on leave, delay en route or travel to home or permanent station for personal reasons. If travel by POV was authorized as more advantageous to the Government I, as owner or operator of the vehicle, was primarily responsible for payment of its operating expenses.

I have not included travel, transportation and/or TDY for which I have received pay or credit from any other agency of the U.S., foreign government, or the United Nations, except as jointly authorized by the secretaries concerned.

I actually performed the travel herein. Government quarters and Government mess were not utilized except as indicated.

PENALTY

The penalty for wilfully making a false claim is: A maximum fine of \$10,000 or maximum imprisonment of 5 years, or both. (*U.S. Code, Title 18, section 287, formerly section 80.*)

REQUIRED ATTACHMENTS

1. Original and/or copies of travel orders and amendments as instructed.
2. Traveler's copy of each transportation request (*SF 1169B*) used.
3. All receipts from transportation officer for unused transportation requests, carriers' tickets, and meal tickets.
4. Receipts from carriers if cost of transportation is claimed.
5. Charge letters for transportation requests received en route.
6. Statements of nonavailability (*quarters, mess and directed mode of transportation*).

SYMBOLS

MEANS (Mode) OF TRAVEL		REASONS FOR STOPS	
FIRST LETTER	SECOND LETTER		
1. TRNSPN REQ T	5. AUTO A	10. AWAITING TRNSPN AT	16. MISSION COMPLETE MMC
2. GOVT TRNSPN G	6. BUS B	11. CHANGE MODE OF TRNSPN CM	17. MECHANICAL DIFFICULTY MEC
3. COML TRNSPN C	7. PLANE P	12. CREW REST CR	18. PICKUP CARGO (<i>passengers</i>) PC
(<i>own expense</i>)	8. RAIL R	13. DISCH CARGO (<i>passengers</i>) DC	19. REMAIN OVERNIGHT RON
4. PRIVATE VEHICLE P	9. VESSEL V	14. LEAVE/DELAY EN ROUTE LV	20. TEMPORARY DUTY TDY
		15. MAINTENANCE (<i>refuel</i>) MA	21. WEATHER ADVERSE WX

TYPE OF CHARGES

- | | |
|--|----------------------------------|
| 22. BACHELOR OFFICER'S QTS BOQ | 23. NON-GOVT MEALS NGM |
| 24. NON-GOVERNMENT QTS NGQ | |

DEFINITION (*This definition pertains to military personnel only*)

NON-GOVERNMENT QUARTERS AND MEALS.

Meals and quarters furnished (*with or without charge*) incident to temporary duty by: (1) Local or State governments; (2) Foreign governments; (3) Other U.S. Government agencies; (4) U.S. Government contractors; or (5) Private organizations such as the National Red Cross during disasters.

REMARKS

VII. APPROVED FOR PAYMENT (*When required by individual service regulations*)

DATE	SIGNATURE OF AUTHORIZED APPROVING/CERTIFYING OFFICER
------	--

MACAG
LETTER ORDERS
NUMBER 10-816

13 October 1969

SUBJECT: Invitational Travel Order Army VS-117-70 (100) (Service)

DISTRIBUTION: (Continued)

2 Sr Adv AFLS
2 Embassy of the Republic of Vietnam, ATTN: RVNAF Attache, 1875
Connecticut Ave, Rm 921, Washington, DC 20009
3 CG, First US Army, Ft George G. Meade, MD 20755
2 Chief, J6 Adv Div MACJ6 (TOP)
10 Comdt, US Army Signal School, Ft Monmouth, NJ 07703
25 Ea Indiv - 100

MACAG (13 Oct 69) 1st Ind
SUBJECT: Invitational Travel Order Army VS-117-70 (100) (Service)

HEADQUARTERS, UNITED STATES MILITARY ASSISTANCE COMMAND, VIETNAM,
APO San Francisco 96222, 14 November 1969

TO: Dai Uy Truong Van TIEN 56/104.294 (CPT)
Trung Uy Vo Van THONG 60/138.639 (1LT)
Trung Uy Do Ngoc CU 60/130.368 (1LT)
Thieu Uy Nguyen Trong HIEU 62/107.948 (2LT)

So much of Basic ITO reads Trung Uy Truong Van TIEN 56/104.294 (1LT) and
Trung Uy Nguyen Trong HIEU 62/107.948 (1LT) IATR Dai Uy Truong Van TIEN
56/104.294 (CPT) and Thieu Uy Nguyen Trong HIEU 62/107.948 (2LT).

FOR THE COMMANDER:

Ly Le D. Robb
LYLE D. ROBB
LTC, USA
Asst AG

DISTRIBUTION:

- 2 DA, DCSOPS/IA FMT, Washington, DC 20310
- 2 CINCPAC, ATTN: J3A2, FPO 96610
- 2 CINCSALPAC, ATTN: CPOP-DT, APO 96558
- 6 CO, USAHAC, ATTN: AVCB-COMP APO 96243
- 2 CG, USA CF&AO, APO 96496
- 2 CO, 60th Aerial Port Sqdn, ATTN: TPAX-FSLO, Travis AFB, CA 94535
- 2 CO, MATCO, Travis AFB, CA 94535
- 1 CG, Sixth US Army, Presidio of San Francisco, San Francisco, CA 94129
- 5 MACV Tng Dir (WON 9821)
- 7 RVNAF CTC
- 2 MACAG-AO
- 2 RVNAF AG/JCS, ATTN: Asst Sec
- 1 AG Adv Br (Pers Mgt), MACJ14
- 2 Sr Adv AFIS
- 2 Embassy of the Republic of Vietnam, ATTN: RVNAF Attache, 1875
Connecticut Ave, Rm 921, Washington, DC 20009
- 3 CG, First US Army, Ft George G. Meade, MD 20755
- 2 Chief, J6 Adv Div MACJ6 (TOP)
- 10 Comdt, US Army Signal School, Ft Monmouth, NJ 07703
- 25 Ea Indiv - 100

HEADQUARTERS
UNITED STATES MILITARY ASSISTANCE COMMAND, VIETNAM
APO San Francisco 96222

13 October 1969

MACAG
LETTER ORDERS
NUMBER 10-816

SUBJECT: Invitational Travel Order Army VS- 117-70 (100) (Service)

Grade; Name; Svc No; Branch; (US Equiv Grade)
Score; Form and Date of 6700 ECL

TO: Trung Uy Thuong Van DIK 55/104 2 (D.1) 60/1/20Sep69
Trung Uy Vo Van THONG 60/133.634 2 (D.1) 60/1/1/29Aug69
Trung Uy Do Ngoc Co 60/130 260 2 (D.1) 60/1/1/29Aug69
Trung Uy Nguyen Trong HIEU 62/107.948 2 (D.1) 60/1/27Sep69

9821 (WCN)	NIC (GC)	VQ21 (RCN)	BL32427 (MASL ID)	4C-3500/0503 (CN)	18P (CS)
---------------	-------------	---------------	----------------------	----------------------	-------------

1. The individuals listed above, members of the Army of the Republic of Vietnam (ARVN), are authorized and invited to proceed on or about 23 November 1969 from their present stations to the continental United States arriving at Travis AFB, Calif., for the purpose of attending course indicated below:

a. Course, School, and Location (in order of attendance): Radio Systems Officer, U. S. Army Signal School, Fort Monmouth, New Jersey.

b. Reporting Date : 25 Nov 69

c. Ending Date : 8 Apr 70

2. The individuals listed herein will report upon arrival in the United States to the Chief Military Traffic Coordinating Office, Allied Liaison Section (Rm 42, Main Terminal Building), Travis AFB, Calif., who will issue a transportation request for travel to Fort Monmouth, New Jersey.

MACAG
LETTER ORDERS
NUMBER 10-816

13 October 1969

SUBJECT: Invitational Travel Order Army VS-117-70 (LCO) (Service)

3. Upon completion of training, the students are authorized 15 days leave in CONUS under the provisions of paragraph 2-23(1), AR 551-50. Upon completion of training/leave they will return to Travis AFB for transport to proper station in Vietnam. Commercial transportation authorized when military transportation is not available.

4. Students are not permitted by their government to purchase an automobile after arrival at their first training installation. Students are authorized by their government to travel by POV while in the U.S.

5. No dependents will accompany students, be transported or maintained at US Government expense.

6. The Government of the United States absolves itself from any blame or financial responsibility for injuries received by the individuals listed herein while in transit or undergoing training and any responsibility for any personal or property damage claim resulting from their actions.

7. If the individuals listed herein encounter any difficulties in arranging transportation after arrival in the CONUS, they will contact the Military Traffic Coordinating Office Allied Liaison, Travis AFB Calif., Telephone: Idlewood 7-2211, Ext 3164.

8. Prior to departure from their present stations the individuals listed herein will be required to be medically examined and found physically acceptable in accordance with the health provisions of the Immigration and Nationality Act (McCarran Act Sec. 212A, 1-7, Public Law 414, 82d Cong.); Foreign Quarantine Regulations of Public Health Service, Department of Health, Education, and Welfare, 42 CFR, part 71; and paragraph 2-2, AR 551-50. The Government of the Republic of Vietnam will provide the individuals concerned with sufficient funds in American dollar instruments to meet all expenses while enroute to, and for the first 15 days at, the school. Adequate uniforms as well as appropriate civilian clothing for off-duty wear should be taken. Winter uniforms are a necessity from October through April and may be desirable at other times, depending on the location of training. United States work (fatigue) uniforms, less distinctive insignia, or ARVN field uniforms, are required for field wear or technical work.

9. The United States will relieve from attendance at school and request the return to Vietnam, students who violate regulations or who otherwise

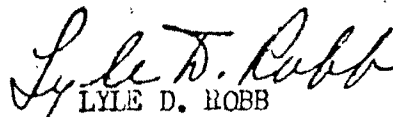
MACAG (13 Oct 69) 1st Ind
SUBJECT: Invitational Travel Order Army VS-117-70 (100) (Service)

HEADQUARTERS, UNITED STATES MILITARY ASSISTANCE COMMAND, VIETNAM,
APO San Francisco 96222, 14 November 1969

TO: Dai Uy Truong Van TIEN 56/104.294 (CPT)
Trung Uy Vo Van THONG 60/138.639 (1LT)
Trung Uy Do Ngoc CU 60/130.368 (1LT)
Thieu Uy Nguyen Trong HIEU 62/107.948 (2LT)

So much of Basic ITO reads Trung Uy Truong Van TIEN 56/104.294 (1LT) and
Trung Uy Nguyen Trong HIEU 62/107.948 (1LT) IATR Dai Uy Truong Van TIEN
56/104.294 (CPT) and Thieu Uy Nguyen Trong HIEU 62/107.948 (2LT).

FOR THE COMMANDER:


LYLE D. ROBB
LTC, USA
Asst AG

DISTRIBUTION:

- 2 DA, DCSOPS/IAFMT, Washington, DC 20310
- 2 CINCPAC, ATTN: J3A2, FPO 96610
- 2 CINCPAC/PAC, ATTN: GPOF-DT, APO 96558
- 6 CO, USAHAC, ATTN: AVCB-COMP APO 96243
- 2 CG, USA CF&AC, APO 96496
- 2 CO, 60th Aerial Port Sqdn, ATTN: TPAX-FSLO, Travis AFB, CA 94535
- 2 CO, IATCO, Travis AFB, CA 94535
- 1 CG, Sixth US Army, Presidio of San Francisco, San Francisco, CA 94129
- 5 MACV Tng Dir (UCN 9321)
- 7 RVNAF CTC
- 2 MACAG-AO
- 2 RVNAF AG/JCS, ATTN: Asgnt Sec
- 1 AG Adv Br (Pers Mgt), MACJ14
- 2 Sr Adv AFIS
- 2 Embassy of the Republic of Vietnam, ATTN: RVNAF Attache, 1875
Connecticut Ave, Rm 921, Washington, DC 20009
- 3 CG, First US Army, Ft George G. Meade, MD 20755
- 2 Chief, J6 Adv Div MACJ6 (TOP)
- 10 Comdt, US Army Signal School, Ft Monmouth, NJ 07703
- 25 Ea Indiv - 100

MACAG
LETTER ORDERS
NUMBER 10-816

13 October 1969

SUBJECT: Invitational Travel Order Army VS-117-70 (100) (Service)

DISTRIBUTION: (Continued)

2 Sr Adv AFLS

2 Embassy of the Republic of Vietnam, ATTN: RVNAF Attache, 1875
Connecticut Ave, Rm 921, Washington, DC 20009

3 CG, First US Army, Ft George G. Meade, MD 20755

2 Chief, J6 Adv Div MACJ6 (TOP)

10 Comdt, US Army Signal School, Ft Monmouth, NJ 07703

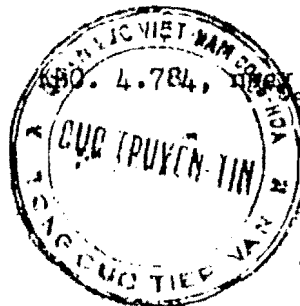
25 Ea Indiv - 100

VIỆT NAM CỘNG HÒA
BỘ QUỐC PHÒNG
BỘ TỔNG TRẠI MIỀN QUẢNG
TỔNG CỤC TIẾT VẬN
CỤC TRUYỀN TIN

Đại Tá BÙI-TRỌNG-THUẬN
Cục Trưởng Cục Truyền Tin
kiêm Chỉ Huy Trưởng
Binh chủng Truyền Tin Lục Quân

254

- Cấp bậc - Họ và Tên : Đại Úy TRƯƠNG VĂN TIẾN
- Số quân : 56/104.294
- Ngạch : Trừ bị
- Đơn vị : Cục Truyền Tin
- Thâm niên quân vụ : 13 năm 08 tháng 19 ngày (tính đến ngày 08-10-1974, chỉ tính thời gian thâm niên quân vụ thực sự phục vụ trong Quân Đội)
- Đã mãn hạn khế ước đầu quân và các Cam kết phục vụ sau khóa học trong Quân Đội ngày : KHÔNG



23-8-1974
Tà TRAN-QUANG-THAI
Cục P.Đ.

There

VIỆT-NAM CỘNG-HOA

TỈNH HAY THÀNH-PHỐ

Tỉnh Long An.

QUẬN: Cần Giuộc

XÃ: Phước Tuy.

TRÍCH-LỤC

CHỨNG-THƯ HÔN-THÚ

Số hiệu: 2

Tên họ người chồng Trương Văn Tiến

nghề-nghiệp Sĩ quan hưu trí

sinh ngày 15 tháng 10 năm 1936.

Chứng thực chữ ký tên: *Trần Văn Lợi*
là của *Trần Văn Lợi*
Giao được, ngày 29 tháng 1 năm 1962

QUẬN-TRƯỞNG
Phó Quận-Trưởng

Tân lân

cur-sở tại Long Thới

tạm-trú tại Long Thới (Ấp chợ)

Tên họ cha chồng Vũ Danh

Tên họ mẹ chồng Trương Thị Khỏe (sống)

Tên họ người vợ Phạm Thị Trâm

nghề-nghiệp NB: Tr

sinh ngày 17 tháng 5 năm 1939

tại Phước Tuy

cur-sở tại Phước Tuy

tạm-trú tại Long Thới

Tên họ cha vợ Phạm Văn Giảng (sống)

Tên họ mẹ vợ Nguyễn Thị Thắm (sống)

— Ngày cưới Ngày 29 tháng 12 năm 1962

— Vợ chồng khai có hay không lập hôn khế

ngày tháng năm

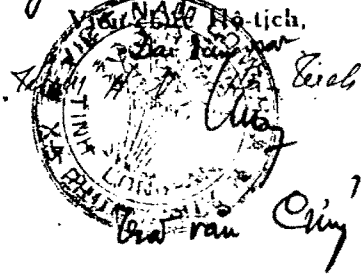
tại



TRẦN-VĂN-LỢI

Trích y bản chính

Phước Tuy, ngày 29 tháng 12 năm 1962



BẢN TRÍCH-LỤC BỘ KHAI-SANH Phước Tuy (Chợ Lớn)
(Extrait du registre des actes de naissance)

(NAM-PHẦN)
(Sud Viêt - Nam)

NĂM 1939
(Année)

SỐ HIỆU 72
(Acte No)

Tên, họ đứa con nít (Nom et prénom de l'enfant)	Phạm thị Trên
Nam, nữ (Sexe de l'enfant)	Nữ
Sanh ngày nào (Date de naissance)	17-Mai-1939
Sanh tại chỗ nào (Lieu de naissance)	Phước Tuy
Tên, họ cha (Nom et prénom du père)	Phạm văn Giảng
Cha làm nghề gì (Sa profession)	làm ruộng
Nhà cửa ở đâu (Son domicile)	Phước Tuy
Tên, họ mẹ (Nom et prénom de la mère)	Nguyễn thị Thắng
Mẹ làm nghề gì (Sa profession)	làm ruộng
Nhà cửa ở đâu (Son domicile)	Phước Tuy
Vợ chánh hay thứ (Son rang de femme mariée)	Chánh

Chúng tôi _____
(Nous)

Chánh-án Toà _____
(Président du Tribunal)

chứng cho hợp pháp chữ tên của _____
(Certifions l'authenticité de la signature de)

Ông _____
(M)

Chánh-lục-sự Toà-án sở tại.
(Greffier en Chef du Tribunal).

_____ ngày _____ 19__

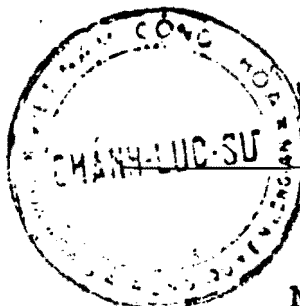
CHANH - AN,
(LE PRÉSIDENT).

Trích y bốn chánh,
(Pour extrait conforme)

Long-An ngày 9-I-70 19__

TUN CHÁNH LỤC-SỰ,
LE GREFFIER EN CHEF)

Lục Sự



Nguyễn văn Quang

Giá tiền 15\$

(Coût)

Biên-lai số 297

(Quittance N°)

KHAI SANH

30 100

Nhà In Trắc-Một Bô-Mô

Tên họ full name	TRUONG-THI-HUONG-LANG
Phái	NỮ
Sinh	Ngày mười chín, tháng tư năm một ngàn chín
(Ngày, tháng, năm)	trăm sáu mươi ba (19/4/1963)
Tổ	Tổng Y Viện Duy-Tân
Cha	Trương-văn-Tiến
(Tên, họ)	Sinh năm 1.936
Tuổi	
Nghề	Sĩ quan Võ-Tuyên
Cư-trú tại	XB0.4.67X
Mẹ	Phạm thị Trâm
(Tên, họ)	Sinh năm 1.939
Tuổi	
Nghề	Nội trợ
Cư-trú tại	Xã Hòa-cường Hòa vang Quảng-Nam
Vợ	Chánh
(Chánh hay thê)	Trương-văn-Tiến
Người khai	
(Tên, họ)	Sinh năm 1.936
Tuổi	
Nghề	Sĩ quan Võ-Tuyên
Cư-trú tại	Ngày hai mươi hai, tháng tư, năm một ngàn
	chín trăm sáu mươi ba (22/4/1963)
Người chứng thứ nhất	Có giấy chứng nhận
(Tên, họ)	
Tuổi	số 2730 của Y-Sĩ Trung-Úy
Nghề	Tên-thất-Cán, Trưởng trại Sản-khoa
Cư-trú tại	Tổng Y Viện Duy-Tân
Người chứng thứ nhì	
(Tên, họ)	
Tuổi	
Nghề	
Cư-trú tại	



LE-PHAI-DIEN

Một chủ hộ gia đình ở Bình Hòa
Xã Hòa-cường Hòa vang Quảng-Nam
Ngày khai sinh 19/4/1963

Nhận theo chỉ ký của
Hội viên Ủy-tịch Đại-diện Xã

Lập tại xã Hòa-cường ngày 22 tháng 4 năm 19 63

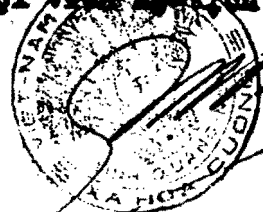
Người khai
Trương-văn-Tiến

Họ lại

Nhận bằng
Có giấy chứng nhận

PHUNG TRICH LUC

Hòa-cường ngày 28-6-1963
Hội viên Ủy-tịch



KHAI SANH

Số hiệu: 74

Tên, họ ấu nhi: TRUONG-minh-THI ET

Phái: Nam

Sinh: Ngày hai, tháng năm, năm một ngàn chín
trăm sáu mươi lăm, tức là 14/10/30
(Ngày, tháng, năm)

Tại: Thăng-Tam

Cha: TRUONG-van-TIEN
(Tên, họ)

Tuổi: Hai mươi chín tuổi

Nghề-nghiệp: Quan-Nhan

Cư-trú tại: Vũng-Tàu

Mẹ: Phạm-thị-Trên
(Tên, họ)

Tuổi: Hai mươi sáu tuổi

Nghề-nghiệp: Nội-việc Trại

Cư-trú tại: Vũng-Tàu

Vợ: Vợ chánh

Người khai: Truong-van-Tien
(Tên, họ)

Tuổi: Hai mươi chín tuổi

Nghề-nghiệp: Quan-Nhan

Cư-trú tại: Vũng-Tàu

Ngày khai: 6-5-1965

Người chứng thứ nhất: Nguyen-thi-Xi
(Tên, họ)

Tuổi: Bon mươi chín tuổi

Nghề-nghiệp: Nu-ho-sinh

Cư-trú tại: Thăng-Tam

Người chứng thứ nhì: Nguyen-thi-Cuc
(Tên, họ)

Tuổi: Hai mươi sáu tuổi

Nghề-nghiệp: Nu-ho-sinh

Cư-trú tại: Thăng-tam

Trích y bộ:

Tam, ngày 10/5/65

Ủy Ban Hành Chính U.B.H.C

Kiểm tra viên



Trình-Kiệt

Nhận-thực chữ ký của
 Ủy-Ban Hành-Chính Khu-Phố Thăng-Tam
 ngày 30/5

Vũng-Tàu ngày 12 tháng 5 năm 1965



Làm tại Thăng-Tam, ngày 6 tháng 5 năm 1965

Người khai,

Hộ-lạt,

Nhân chứng,

Ký tên: Tien

Ký tên: Kiệt

Ký tên: Xi, Cuc

NGUYEN-VAN-DANG

DO THAM SAIGON

TOA HANH CHANH QUAN NHI

VIET NAM CONG HOA

HO - T

TRICH - LUC BO KHAI - SAN

Han mot ngon chin tram SAU MUOI BAY (1967)

Ten, ho dun rho.....	TRUONG QUOC VU
Hai.....	HAI
Ngay sanh.....	Sau thang bay nam mot ngon chin tram sau muoi bay hg35
Noi sanh.....	Saigon 28, Cong quynh
Ten, ho nguoi cha.....	TRUONG VAN TIEN
Tuoi.....	Ba muoi mot
Ngho-nghiep.....	Quan-nhan
Noi cu-ngh.....	Saigon G 33 Ban Van-don
Ten, ho nguoi me.....	PHAM THI TRAM
Tuoi.....	Hai muoi tam
Ngho-nghiep.....	Noi-tro
Noi cu-ngh.....	Saigon G 33 Ban Van-don
Vo chanh bay thu.....	Vo chanh

TRICH-LUC Y DON CHANH
Saigon, ngay 27 thang 7 nam 1967

KT. QUAN-TRUONG QUAN NHI
(Ky ten va dong dam)

DUONG HUU XUONG

VIET NAM CONG HOA

QUAN-LUC VIET-NAM CONG HOA

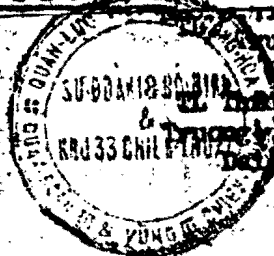
QUAN DOANH III

DO THAM HUU QU DOANH IBB & KHU 33 CT

PHAM TRUYEN TIN

So 15662 /SDIS/TH/TT/A

SAO Y BAN CHANH



12/11/67
Kung Ta TRAN VAN TU
Tham NHI Truong
TL Thuan TA LUONG VAN DAN
Phong Truyen Tin
Dai Uy TRAN THUYEN TIN

Số hiệu : 9104/B

TRÍCH-LỤC BỘ KHAI SANH

Năm một ngàn chín trăm sáu mươi chín (1969)

Tên, họ đứa nhỏ	TRUONG THI THANH NGOC
Phái	Nữ
Ngày sanh	Mười sáu tháng tam nam một ngàn chín trăm sáu mươi chín 8 g 15
Nơi sanh	Saigon, 284 Cong Quynh
Tên, họ người Cha. . .	TRUONG VAN TIEN
Tuổi	Ba mươi ba
Nghề-nghiệp	Quan nhân
Nơi cư-ngụ	Saigon, Cư xa Vinh Hoi
Tên, họ người mẹ . . .	PHAM THI TREN
Tuổi	Ba mươi
Nghề-nghiệp	Nồi trơ
Nơi cư-ngụ	Saigon, Cư xa Vinh Hoi
Vợ chánh hay thứ . .	Vợ chánh



Trích tại Saigon, ngày 20 tháng 8 năm 19 69

TRÍCH-LỤC Y BỒN CHÁNH :

Trích tại ngày 25 tháng 8 năm 19 69

T. QUẢN - TRƯỞNG QUẬN NHI

DƯƠNG-HUÂN

ĐC. THÀNH SAIGON

VIỆT-NAM CỘNG-HÒA

TC/6h.

TOA HÀNH-CHÁNH QUÂN NH1

Số hiệu: 11719A

*

HỘ-TỊCH

TRÍCH-LỤC BỘ KHAI-SANH

Năm một ngàn chín trăm Bảy mươi hai (1972)

Tên, họ đứa nhỏ	TRUONG NGOC SON
Phái	Nam
Ngày sanh	Tam tháng mười, năm một ngàn chín trăm bảy mươi hai, 2 g 40
Nơi sanh	Saigon, 284 Cong-Quynh
Tên, họ người Cha.	TRUONG VAN TIEN
Tuổi	Ba mươi, sáu
Nghề-nghiệp.	Quân-Thần
Nơi cư-ngụ	Saigon, Cu-Xa Vinh-Hoi
Tên, họ người Mẹ	PHAM THUI TREN
Tuổi	Ba mươi ba
Nghề-nghiệp	Nơi-trơ
Nơi cư-ngụ	Saigon, Cu-Xa Vinh-Hoi
Vợ chánh hay thứ	Vợ chánh

Lập tại Saigon, ngày 10 tháng 10 năm 19 72

TRÍCH-LỤC Y BỒN CHÁNH:



Saigon, ngày 12 tháng 10 năm 19 72

KT. QUẢN TRƯỞNG QUÂN NH1

Kai

TRUONG VAN TIEN

VIỆT-NAM CỘNG-HÒA
ĐÔ-THÀNH SAIGON

Quận: 2

PHƯỜNG HUYEN SI

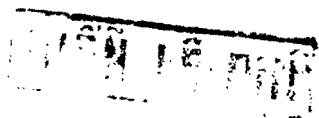
Số hiệu: 1843R

TC/106

TRÍCH-LỤC BỘ KHAI-SANH

Lập ngày 03 tháng 03 năm 19 75

Tên họ đứa trẻ. . . .	TRUONG THI THU HA
Con trai hay con gái. .	Nữ
Ngày sanh.	Hai mươi bốn tháng hai năm một ngàn chín trăm bảy mươi lăm 15 giờ
Nơi sanh	Saigon 264 Cong Quynh
Tên họ người cha. . .	TRUONG VAN TIEN
Tên họ người mẹ. . .	PHAM THI TREN
Vợ chánh hay không có hôn-thú	Vo chanh
Tên họ người đứng khai.	Pham Thi Dươì



TRÍCH-LỤC Y BÀN-CHÁNH

Saigon, ngày 15 tháng 03 năm 19 75

Viên-Chức Hộ-Tịch,

First Name: PHAM THI DUOI



PHẠM THỊ TRẦN



TRƯỜNG THỊ HƯƠNG LAN



TRƯỜNG MINH TRIẾT



TRƯỜNG QUỐC VŨ



TRƯỜNG THỊ
THANH NGỌC

TRƯỜNG
NGỌC SƠN



TRƯỜNG THỊ
THU HÀ



5. General Assistance

CA - Cash Assistance - cash assistance, State payments associated with Aid to Families with Dependent Children (AFDC), aid to the blind and disabled, and energy relief. Does not include State supplements to SSI (*SI*).

EM - Emergency Assistance - emergency cash assistance; does not include emergency medical assistance (*ME* or *PC*), emergency housing assistance (*HO*), or emergency food assistance (*FR*).

SI - State Supplement to SSI - This is a new secondary code; programs which are supplements to SSI should be recoded as (*SI*).

6. Special Needs Programs - foster care and community and home care for elderly/disabled adults.

OP - Other Public Assistance

7. Housing Assistance - emergency shelter and battered spouse housing and programs aimed at tenant assistance or at supporting ownership.

HO - Housing Assistance

8. Food Assistance - emergency food assistance and the non-federal administrative cost of Food Stamps.

FS - Food Stamp Administration

FR - Food Related (e.g., nutrition)

9. Public Assistance Administration

PA - Public Assistance Administration

B.T.L. ĐOÀN 500

Trung đoàn 11

Số : 24/BC

GIẤY BÁO CHẾT

Họ và tên : Trương Văn Liên Năm sinh : 1936

Cấp bậc : Đại úy Số quân : 56/104294

Chức vụ trong quân đội nguy : Trưởng ban điều hành, Ntông

Con (chồng) của ông, bà : Phạm Thị Trần Kiểm soát - Duyệt

Hiện nay ngụ tại : 6/33 Cù Xá Vĩnh Mỹ Sài Gòn P.

Đã tập trung học tập ngày :

Đã chết ngày : 31-8-1975

Lý do chết : Nê^h bị đơn

Mộ chí đặt tại : phía đông đơn vị

Tư trang, tài sản, di vật kỷ niệm của người chết
đã kiểm kê nộp biên bản ngày 31/8/1975..

Hiện đang giữ ở trung đoàn :

- Biên bản kiểm kê tư vật . 1 bản
- Giám định của hội đồng Y khoa .
(Nếu là ốm chết)
- Sơ đồ mộ chí . 1 bản

Sơ cấp khám chính
ngày 30-7-1976

Chức vụ : Phóng Viên Văn

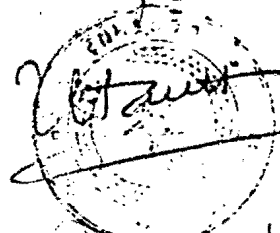
Ngày 31 tháng 8 năm 1975..

THỦ TRƯỞNG ĐƠN VỊ 11

Đa Tỷ.

Thiên tá: Trần Đa

Thiên tá: Phạm Chí Thành



VIỆT NAM CỘNG HÒA
BỘ QUỐC PHÒNG
BỘ TỔNG THAM MƯU QUÂN
TỔNG CỤC TIẾP VẬN
CỤC TRUYỀN TIN

Đại Tá BUI-TRUNG-HUYNH
Cục Trưởng Cục Truyền Tin
Kiêm Chỉ Huy Trưởng
Binh Chung Truyền Tin Lục Quân

254

- Cấp bậc - Họ và Tên : Đại Úy TRƯỜNG VĂN TIẾN
- Số quân : 56/104.294
- Ngạch : Trừ bị
- Đơn vị : Cục Truyền Tin
- Thâm niên quân vụ : 13 năm 08 tháng 19 ngày (tính đến ngày 08-10-1974, chỉ tính thời gian thâm niên quân vụ thực sự phục vụ trong Quân Đội)
- Đã mãn hạn khế ước đầu quân và các Cam kết phục vụ sau khóa học trong Quân Đội ngày : KHÔNG



23-8-1974
Tà TRAN-QUANG-THAI
Cục Pro.

There